

Số: 171 /BVYHCT

Lào Cai, ngày 26 tháng 04 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 01/LCA-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Lào Cai cấp ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Địa chỉ: Đường K3, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Thị Song Hương.

Điện thoại liên hệ: 0944.475.018.

Email: songhuongbvylc@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Bác sỹ CKI Y học cổ truyền, Bác sỹ chuyên ngành Y học cổ truyền (Môn học/học phần: Y học cổ truyền); Quản lý y tế (Môn học/học phần: quản lý y tế).
- Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.
- Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): 370 người.
- Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: Hướng dẫn Bác sỹ Y học cổ truyền 22 người, Chuyên khoa I Y học cổ truyền 15 người, Chuyên khoa II Quản lý y tế 02 người (Có danh sách người hướng dẫn chi tiết kèm theo).
- Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Có danh sách kèm theo).
- Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Có danh sách kèm theo).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

GIÁM ĐỐC



Mai Xuân Trung

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	D720201	Đại học	YHCT	Điều trị nội YHCT/ Thực tế cộng đồng	Hướng dẫn thực hành khám và điều trị nội YHCT/ hướng dẫn thực tế cộng đồng	5	22	220	140	420	0	220
2	CK 607260	Chuyên khoa I	YHCT	Điều trị nội, ngoại, sản, nhi YHCT	Hướng dẫn thực hành khám và điều trị nội, ngoại, sản, nhi YHCT, ôn bệnh, thương hàn	5	15	75	140	420	0	75
3	CK 62727605	Chuyên khoa II	QLYT	Cơ sở, hỗ trợ và chuyên ngành	Hướng dẫn thực hành các môn học theo Khung CT và kế hoạch học tập khoá học CKII QLYT	5	15	75	140	420	0	75

2. Bác sỹ / Y học cổ truyền

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Mai Xuân Trung	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000046/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, thực hiện các kỹ thuật PHCN	19	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
2	Nguyễn Thị Song Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Siêu âm tổng quát	000063/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, Siêu âm tổng quát	30	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
3	Dương Quốc Nghị	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Nội soi Tai Mũi Họng	000088/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, Nội soi Tai Mũi Họng	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
4	Nguyễn Mỹ Bình	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000067/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	24	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000071/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	30	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
6	Phạm Thị Kim Anh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Ngoại khoa	000081/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, Ngoại khoa và PHCN	23	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Hóa sinh	000082/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, chuyên khoa Hóa sinh	22	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
8	Vũ Thu Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001874/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	22	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
9	Trần Kim Minh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000700/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	20	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
10	Huỳnh Minh Yến Chi	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	003694/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	14	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
11	Bùi Thị Thuý Hồng	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001852/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
12	Nguyễn Ánh Tuyết	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền	001870/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT	10	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
13	Lê Hải Vân	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001848/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	10	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ. Nhi, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
14	Đàm Quốc Việt	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Chẩn đoán hình ảnh, Phục hồi chức năng	001847/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ thuật PHCN	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Nguyễn Hoàng Văn Anh	Ths. YHCT	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, thực hiện các kỹ thuật PHCN	003930/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ thuật PHCN	4	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
16	Nguyễn Hương Sen	Bs.CKI Nội	Nội khoa, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Điện cơ, Điện tim	000068/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng Nội khoa, YHCT và PHCN, Điện cơ, Điện tim	19	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
17	Cao Văn Việt	Bs.CKI YTCC	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000069/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, thực hiện các kỹ thuật PHCN	32	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
18	Đào Thị Tuyết	Bs YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	003312/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	12	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
19	Nguyễn Chính Linh	Bs YHCT	Y học cổ truyền	003677/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	2	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
20	Trần Thị Nhung	Bs YHCT, định hướng PHCN	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	003621/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	2	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
21	Lưu Thị Thu Huyền	Bs YHCT, định hướng Nội khoa	Y học cổ truyền, Nội khoa, Phục hồi chức năng	001851/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, Nội khoa, thực hiện các kỹ thuật PHCN	7	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Phùng Hải Yến	Bs YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	003426/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	2	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140

2. CKI Y học cổ truyền

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Mai Xuân Trung	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000046/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, thực hiện các kỹ thuật PHCN	19	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
2	Nguyễn Thị Song Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Siêu âm tổng quát	000063/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, Siêu âm tổng quát	30	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
3	Dương Quốc Nghị	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Nội soi Tai Mũi Họng	000088/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, Nội soi Tai Mũi Họng	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
4	Nguyễn Mỹ Bình	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000067/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	24	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000071/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	30	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
6	Phạm Thị Kim Anh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Ngoại khoa	000081/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, Ngoại khoa và PHCN	23	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Hóa sinh	000082/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN, chuyên khoa Hóa sinh	22	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lãc khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140
8	Vũ Thu Hương	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001874/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	22	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Eệnh viện	140



9	Trần Kim Minh	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	000700/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	20	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
10	Huỳnh Minh Yến Chi	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	003694/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	14	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
11	Bùi Thị Thuý Hồng	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001852/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và PHCN	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
12	Nguyễn Ánh Tuyết	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền	001870/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT	10	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
13	Lê Hải Vân	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	001848/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT và thực hiện các kỹ thuật PHCN	10	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ, Nhi, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
14	Đàm Quốc Việt	Bs.CKI YHCT	Y học cổ truyền, Chẩn đoán hình ảnh, Phục hồi chức năng	001847/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ thuật PHCN	18	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140
15	Nguyễn Hoàng Văn Anh	Ths. YHCT	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, thực hiện các kỹ thuật PHCN	003930/LCA-CCHN	Khám, chữa bệnh bằng YHCT, chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ thuật PHCN	4	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị Nội khoa, Lão khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa YHCT	Bệnh viện	140



1. Bác sĩ CK II Quản lý y tế

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ * hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Minh Hiếu	Bs.CKII QLYT	Y tế công cộng, Y tế công cộng				Quản lý y tế	Phương pháp sơ phạm lâm sàng, Phương pháp NCKH nâng cao, Tự chọn 1/3 (Quản lý bệnh viện, Dịch tễ học lâm sàng, Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao) Dân số học, kinh tế y tế, luật và thanh tra y tế Quản lý và lập kế hoạch y tế Quản lý chương trình/ dự án y tế	Bệnh viện	140
2	Vũ Thị Nguyệt	Bs.CKII QLYT	Nội khoa, Tổ chức Quản lý y tế				Quản lý y tế	Chính sách, quản lý và Kinh đạo y tế Giáo dục và nâng cao sức khỏe	Bệnh viện	140

**DANH MỤC TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Danh mục tài sản, trang thiết bị				
1	Phòng học lý thuyết	Phòng	2	02 hội trường
2	Học thực hành	Khoa	5	01 phòng khám + 04 khoa lâm sàng
3	Máy tính (laptop)	Chiếc	2	
4	Máy tính (đề bàn)	Chiếc	20	Tại các khoa lâm sàng
5	Máy chiếu	Chiếc	2	
6	Màn chiếu	Chiếc	2	
7	Giường bệnh được giao	Giường	140	Nội 35; Ngoại 35 CCDS 35; Phục hồi chức năng 35
8	Giường bệnh thực kê	Giường	180	Nội 45; Ngoại 45; CCDS 45; Phục hồi chức năng 45
9	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	4	
10	Ôn áp 3 pha 75KVA LIOA Việt Nam	Cái	1	
II. Danh mục tài sản, trang thiết bị y tế chuyên dùng				
1	Monitor theo dõi bệnh nhân Model: BSM-3562 Nhật Bản	Chiếc	1	Cấp cứu
2	Máy hút dịch có xe đẩy Model:1242 Nước sản xuất:Thomas-Mỹ	Bộ	1	Cấp cứu
3	Máy tạo oxy di động Model: Mark 5 Nuvo lite.Nước SX: Mỹ	Bộ	1	Cấp cứu
4	Máy tạo oxy Model: 525KS Mỹ	Cái	3	Cấp cứu
5	Bơm tiêm điện:	Cái	1	Cấp cứu
6	Bộ khám ngũ Quan (Nước SX: Trung Quốc - Pakistan - Việt Nam)	Bộ	1	Khám bệnh
7	Máy nội soi tai mũi họng (Nước SX: Hàn Quốc)	Bộ	1	Khám bệnh
8	Máy huyết học tự động (Máy đếm tế bào máu tự động) Nước SX: Nhật Bản	Bộ	1	Xét nghiệm
9	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động và đo độ đục ngẫu nhiên (Máy xét nghiệm sinh hóa tự động) Nước SX: áo	Bộ	1	Xét nghiệm
10	Máy phân tích sinh hóa tự động	Bộ	1	Xét nghiệm
11	Máy xét nghiệm sinh hóa (Phân tích Protein)	Chiếc	1	Xét nghiệm

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Máy phân tích máu lắng	Bộ	1	Xét nghiệm
13	Tủ âm	Bộ	1	Xét nghiệm
14	Máy li tâm đa năng (Nước SX: Nhật Bản)	Bộ	1	Xét nghiệm
15	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Bộ	1	Xét nghiệm
16	Tủ để hóa chất	Cái	1	Xét nghiệm
17	Kính hiển vi 2 mắt:	Cái	1	Xét nghiệm
18	Máy đo độ loãng xương bằng siêu âm Model: CM-300 Nhật Bản	Chiếc	1	Thăm dò CN
19	Máy đo điện cơ	Chiếc	1	Thăm dò CN
20	Máy điện tim 6 cần	Chiếc	1	Thăm dò CN
21	Máy X - Quang kỹ thuật số Model: VZW2556R	Hệ thống	1	Chẩn đoán hình ảnh
22	Máy siêu âm màu 4D Model: Arietta V60	Hệ thống	1	Chẩn đoán hình ảnh
23	Bàn mổ đa năng thủy lực	Chiếc	1	Ngoại - Phụ - Ngũ quan
24	Đèn mổ treo trần 2 chóa	Chiếc	1	Ngoại - Phụ - Ngũ quan
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật trĩ	Bộ	1	Ngoại - Phụ - Ngũ quan
26	Dao mổ điện cao tần	Máy	1	Ngoại - Phụ - Ngũ quan
27	Bồn rửa tay phẫu thuật viên	Chiếc	1	Ngoại - Phụ - Ngũ quan
28	Tủ sấy - Đức Model : UNB 400	cái	1	Kiểm soát NK
29	Tủ sấy Model: UN160 Memmer - Đức	Bộ	1	Kiểm soát NK
30	Nồi hấp - Nhật Bản. Model: ES-315	Bộ	1	Kiểm soát NK
31	Máy sấy công nghiệp	Cái	1	Kiểm soát NK
32	Hệ thống chiết xuất dược liệu (Bao gồm nồi nấu, nồi cô...)	Hệ thống	1	Dược
33	Hệ thống Sản xuất viên hoàn	Bô	1	Dược
34	Máy làm viên hoàn cứng (dạng đùn sợi)	Bộ	1	Dược
35	Máy đóng túi tự động	Cái	2	Dược
36	Máy sấy tuần hoàn khí nóng - Trung Quốc. Model: RXH-14C	Bộ	1	Dược
37	Máy sắc thuốc tự động (bộ 3 nồi)	Bộ	1	Dược
38	Máy thái dược liệu - Trung Quốc. Model: ZQ-300	Bộ	1	Dược
39	Máy thái dược liệu	Chiếc	1	Dược

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	Hệ thống kéo giãn cổ, ngực, lưng (Nước SX : Nhật bản)	bộ	1	Khoa điều trị
41	Hệ thống kéo giãn cột sống (SX: Nhật Bản)	Bộ	1	Khoa điều trị
42	Máy kích thích điện và điện phân thuốc ES-521 của ITO-JaPan	bộ	1	Khoa điều trị
43	Máy kích thích điện thấp tần hai kênh - Nhật Bản. Model: ES-420	Bộ	1	Khoa điều trị
44	Máy điện xung và điện phân thuốc kết hợp chẩn đoán điện cơ 2 kênh	Cái	2	Khoa điều trị
45	Máy điều trị siêu âm xung và liên tục 1 & 3MHZ - Nhật bản	bộ	1	Khoa điều trị
46	Máy điều trị siêu âm đa tần 1&3MHZ US- 700.Nước sản xuất ITO-Nhật Bản	Bộ	1	Khoa điều trị
47	Máy siêu âm điều trị tần số 1Mhz và 3Mhz Model: Physioson -Expert Nước SX: Đức	Bộ	1	Khoa điều trị
48	Máy điều trị bằng điện trường cao áp	Bộ	1	Khoa điều trị
49	Máy điều trị sóng ngắn xung và liên tục hai cần - Nhật Bản	Bộ	1	Khoa điều trị
50	Máy điều trị châm cứu bằng laser	Chiếc	1	Khoa điều trị
51	Thiết bị laser bán dẫn nội mạch 2 đầu GX1000 TQ Nước SX: Trung Quốc	Bộ	3	Khoa điều trị
52	Thiết bị laser bán dẫn nội mạch 02 đầu phát Model: GX-1000 Trung Quốc	Cái	4	Khoa điều trị
53	Thiết bị laser bán dẫn hồng ngoại châm cứu 10 đầu châm model : M302A VN	Bộ	4	Khoa điều trị
54	Thiết bị laser bán dẫn nội mạch 02 đầu phát	Chiếc	10	Khoa điều trị
55	Hệ thống máy tập đa năng (Máy nén ép liên tục và ngắt quãng) Nước SX: NBản	Bộ	1	Khoa điều trị
56	Máy nén ép trị liệu - Hàn Quốc .Model: Power - Q6000	Bộ	1	Khoa điều trị
57	Máy nén ép tự động	Cái	1	Khoa điều trị
58	Buồng điều trị bằng tia hồng ngoại xa	Buồng	1	Khoa điều trị
59	Máy điều trị bằng sóng xung kích Model: LS5-Radialspec - Nước SX: Mỹ	Bộ	1	Khoa điều trị
60	Máy sóng xung kích trị liệu	Chiếc	1	Khoa điều trị
61	Buồng oxy cao áp Model: O2 Prime OX-II Nhật bản	Hệ thống	1	Khoa điều trị
62	Máy trị liệu bằng nhiệt rung, từ một kênh - Nhật Bản. Model: HM-101	Bộ	1	Khoa điều trị



STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63	Hệ thống 08 máy tập PHCN bằng lập trình kỹ thuật số đánh giá chi tiết tầm vận động và hiệu quả điều trị toàn thân phối hợp tất cả các loại tư thế trên cơ thể	Hệ thống	1	Khoa điều trị
64	Xe đạp tập:	Cái	1	Khoa điều trị
65	Xe đạp tập dùng cho bệnh nhân ngồi xe lăn:	Cái	1	Khoa điều trị
66	Khung tập đa năng:	Cái	1	Khoa điều trị
67	Khung tập đi:	Cái	1	Khoa điều trị
68	Bàn tập vận động:	Bộ	1	Khoa điều trị
69	Thanh song song tập đi	Bộ	1	Khoa điều trị
70	Giàn tập treo	Bộ	1	Khoa điều trị
71	Máy xông hơi thuốc toàn thân	Chiếc	1	Khoa điều trị
72	Máy xông hơi thuốc bộ phận (Lưng, chân)	Chiếc	5	Khoa điều trị
73	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	10	Khoa điều trị
74	Máy điện châm không dùng kim loại 6 kênh Model: RE-1011 TM Nước SX: Nhật Bản	Bộ	1	Khoa điều trị
75	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết	Bộ	6	Khoa điều trị
76	Máy điện châm đa năng 6 kênh	Bộ	5	Khoa điều trị
77	Hệ thống thiết bị khí y tế	Hệ thống	1	Toàn viện
78	Xe tiêm	Cái	8	Toàn viện
79	Xe đẩy bệnh nhân	Cái	1	Toàn viện
80	Giường y tế một tay quay (72 cái)	Cái	72	Toàn viện
81	Tủ đầu giường.	Cái	72	Toàn viện
82	Máy tán sỏi ngoài cơ thể	Cái	1	Khoa điều trị

III. Học liệu

1	Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc. Nguyễn Nhược Kim, Trần Quang Đạt. Nhà xuất bản y học, 2013
2	Xoa bóp, Bấm huyết và Khí công dưỡng sinh. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2012
3	Lý luận Y học cổ truyền. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản GDVN, 2015
4	Bệnh học Nội khoa Y học cổ truyền. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học, 2012
5	Nhi khoa Y học cổ truyền. Trần Thuý. Nhà xuất bản Y học, 2002.

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Sản phụ khoa Y học cổ truyền. Trần Thuý. Nhà xuất bản Y học, 2016			
7	Phương tễ học. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học, 2009			
8	Ôn bệnh. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học, 2005			
9	Bài giảng Y học cổ truyền tập 1. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2011			
10	Bài giảng Y học cổ truyền tập 2. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2011.			



Số: 66 /BC-BVYHCT

Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
Năng lực của cơ sở thực hành sinh viên

Kính gửi: Trường Đại học Y Hà Nội

Căn cứ cơ sở vật chất, nhân lực, hoạt động chuyên môn, Bệnh viện Y học cổ truyền báo cáo năng lực cơ sở thực hành cho học viên, sinh viên chuyên ngành Y học cổ truyền, Y tế công cộng trường Đại Học Y Hà Nội cụ thể như sau:

I. Cơ sở pháp lý hoạt động Bệnh viện

- Quyết định số 134/2002/QĐ.UB ngày 09/4/2002 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Bệnh viện YHCT tỉnh Lào Cai;

- Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện YHCT tỉnh Lào Cai.

II. Đặc điểm, tình hình chung Bệnh viện

A. Cơ sở vật chất:

- Tổng diện tích mặt bằng: Gần 03 ha.
- Tổng diện tích xây dựng: 11.532 m² ; diện tích: 6,75 m²/giường bệnh.
- Kết cấu xây dựng nhà: Nhà hợp khối cấp III; các công trình phụ trợ khác cấp IV.
- Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện): 96,1 m².
- Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh: 5.411,16 m².
- Bố trí các khoa/phòng:
 - Nhà hợp khối số 1: Tổng diện tích sàn: 7.821,65 m²; Diện tích các gian phòng: 4.132,08 m².
 - Tầng 1: Diện tích 894,96 m². Gồm:
 - Khoa Khám bệnh;
 - Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng.
 - Phòng trực chung, phòng cấp cứu Bệnh viện.
 - Kho cấp phát thuốc tân dược; Kho cấp phát thuốc đông dược.

b. Tầng 2: Diện tích 1.062,72 m². Gồm:

- Khoa Phục hồi chức năng.
- Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh.
- Khoa Ngoại - Phụ - Ngũ quan.
- Phòng Điều dưỡng.

c. Tầng 3: Diện tích 1.154,16 m². Gồm:

- Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh.
- Khoa Ngoại - Phụ - Ngũ quan.
- Hội trường lớn Bệnh viện.

d. Tầng 4: Diện tích: 345,6 m².

- Khoa Nội - Nhi.

e. Tầng 5: Diện tích: 250,56 m². Gồm:

- Phòng làm việc Ban giám đốc.
- Phòng KH - CNTT - ĐT - CĐT.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Tổ chức Hành chính - QT-VTTBYT.

6.2. Nhà hợp khối số 2: Tổng diện tích sàn: 2.264,1 m²; Diện tích các gian phòng: 1.279,08 m².

a. Khoa Dược. Diện tích: 691,2 m².

b. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: 490,2 m².

6.3. Nhà bảo quản thiết bị: 37,32 m².

6.4. Nhà đặt khí oxy: 67,50 m².

6.5. Nhà đặt máy phát điện: 14,85 m²

6.6. Nhà bảo vệ: 10,89m².

7. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng (liệt kê cụ thể):

8. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải:

Toàn bộ các tầng của các khối nhà làm việc đều có chung hệ thống công thoát nước ngầm chảy xuống tập trung về khu vực xử lý nước thải sinh hoạt với công suất máy 200 m³/ngày đêm tại khu đất của Bệnh viện giáp phía đông Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai. (*Hiện Bệnh viện YHCT và Bệnh viện Nội tiết đã được Ban Quản lý Dự án tỉnh bàn giao sử dụng*).

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:

- Rác thải nguy hại: Được xử lý tại lò đốt công nghệ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai theo Biên bản thỏa thuận số 07/2020/BVĐK-YHCT ngày 31/12/2019 giữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện YHCT tỉnh Lào Cai:

- Rác thải sinh hoạt: Toàn bộ rác thải sinh hoạt của bệnh viện được xử lý theo hình thức hợp đồng thuê Công ty CP môi trường đô thị Lào Cai thu gom, xử lý theo Hợp đồng số 106/HĐ-DVMT ngày 25/12/2019 giữa Bệnh viện YHCT tỉnh và Công ty MT đô thị Lào Cai.

9. An toàn bức xạ:

Phòng chụp Xquang được xây dựng kiên cố, đạt tiêu chuẩn được Sở khoa học và Công nghệ kiểm định, cấp phép.

10. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy:

- Bệnh viện được trang bị, lắp đặt toàn bộ hệ thống báo cháy, chữa cháy hiện đại, mới; hệ thống chuông báo cháy tự động đặt tại từng tầng, bảng điều khiển trung tâm nằm ở dãy nhà tầng 1, đảm bảo đủ các điều kiện về công tác phòng cháy chữa cháy cho 05 tầng nhà và dãy nhà 02 tầng khoa dược, dãy nhà 1 tầng của khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Thiết bị chữa cháy gồm: mỗi tầng có 02 hộp gồm dây, vòi, bình bột, bình khí chữa cháy kèm theo; ngoài các hành lang mỗi tầng, các vị trí gần cầu thang đều có bình khí, bình bột chữa cháy đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy tại đơn vị.

- Hệ thống phòng cháy: Gồm 01 bể chứa nước dung tích 200 m³; khu điều khiển gồm 03 máy bơm: 02 máy bơm điện và 01 máy bơm chạy dầu Diezen phòng khi mất điện;

b) Khí y tế: Gồm nhà điều khiển trung tâm: Có 01 bình khí oxy hóa lỏng dung tích 2 m³; 01 máy nén, 01 máy hút chân không; hệ thống khí oxy được dẫn từ bình chính đến các khoa, phòng điều trị và cấp cứu.

c) Máy phát điện: Gồm 01 máy phát điện chính công suất 350 KW để cấp điện cho khu vực ưu tiên gồm: Phòng mổ; phòng cấp cứu; hệ thống cầu thang máy;

d) Thông tin liên lạc: Bệnh viện có hệ thống thông tin liên lạc nội bộ các khoa phòng gồm 01 tổng đài nội bộ và 17 máy điện thoại ở tất cả các khoa, phòng bệnh viện; ngoài ra, bệnh viện còn sử dụng hệ thống mạng Intonet, Wifi; trang Web bệnh viện...

11. Cơ sở vật chất khác (nếu có):

- Nhà Gara để xe ô tô nhân viên và người bệnh diện tích: > 250 m².

- Nhà bảo vệ: Diện tích: 10,89 m².

- Nhà để khí oxy, khí nén: Diện tích: 67,50 m².

- Nhà bảo quản thiết bị: 37,32 m².

- Hệ thống xử lý nước thải lỏng.
- Hệ thống nhà máy bơm: Diện tích: 05 m².
- Nhà đựng rác thải tạm thời: 10 m².

12. Số giường bệnh

- Tổng số giường bệnh kế hoạch: 140 giường;
- Số giường thực kê: 184 giường.

B. Trang thiết bị y tế

Bệnh viện YHCT được đầu tư trang bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và thực hiện các kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến và vượt tuyến theo danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

(Phụ lục 01: Danh mục trang thiết bị kèm theo)

C. Tổ chức bộ máy hoạt động tại Bệnh viện

1. Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa Y học cổ truyền
2. Cơ cấu tổ chức:
 - 2.1. Ban Giám đốc: Gồm 01 Giám đốc; 01 Phó Giám đốc.
 - 2.2. Các phòng chức năng: Gồm 04 phòng:
 - Phòng Kế hoạch - Công nghệ thông tin - Đào tạo - Chỉ đạo tuyến;
 - Phòng Tài chính - Kế toán;
 - Phòng Tổ chức Hành chính - Quản trị - VTTBYT;
 - Phòng Điều dưỡng.
 - 2.3. Các khoa lâm sàng: Gồm 05 khoa:
 - Khoa Khám bệnh đa khoa;
 - Khoa Nội - Nhi;
 - Khoa Ngoại - Phụ - Ngũ quan;
 - Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh;
 - Khoa Phục hồi chức năng;
 - 2.4. Các khoa cận lâm sàng: Gồm 04 khoa:
 - Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng;
 - Khoa Dược;
 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
 - Khoa Dinh dưỡng.

D. Nhân lực Bệnh viện:

- Tổng số người làm việc tại Bệnh viện tính đến tháng 3/2024 hiện có là 94 (92 biên chế và 02 hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022) trong đó:

+ Số viên chức có trình độ chuyên môn y là 71 gồm Bác sỹ CK1: 16 (Trong đó CK1 YHCT là 14 người, Nội khoa là 01 người, YTCC là 01 người); Thạc sỹ YHCT: 01; Bác sỹ YHCT: 12; Bác sỹ đa khoa: 03; Bác sỹ răng hàm mặt: 01; Điều dưỡng, KTV: 38 (đại học: 07, thạc sỹ: 01); YTCC: 01. Trong đó 22/29 bác sỹ có chứng chỉ phương pháp dạy học lâm sàng cho người giảng dạy trong khối ngành sức khỏe.

+ Viên chức trình độ chuyên môn Dược: 10 (DSDH: 05; DSCĐ,TH: 05).

+ Số viên chức có trình độ khác là 12 gồm Thạc sỹ Y sinh: 01; Đại học TCKT: 05; Cử nhân QTNL: 01; Cử nhân Luật: 01; KTV sửa chữa TTB: 01; Khác: 01 (hộ lý); 02 hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP.

Cán bộ thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, được bố trí khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với trình độ, khả năng chuyên môn theo chuyên ngành được bố trí, sắp xếp theo vị trí việc làm; có trình độ chuyên môn đáp ứng các kỹ thuật đang thực hiện thành thạo, đúng quy trình và chất lượng theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

(Phụ lục 02, 03, 04: Danh sách nhân lực tham gia giảng dạy kèm theo)

E. Dịch vụ kỹ thuật triển khai

Trong những năm qua, Bệnh viện đã chủ động triển khai 397/483 danh mục kỹ thuật chương Y học cổ truyền (trừ các kỹ thuật châm tê phẫu thuật) ; cử cán bộ đi học các kỹ thuật mới, cụ thể như:

- Về Y học cổ truyền: Kỹ thuật điện châm, nhĩ châm, thủy châm, cây chỉ, xoa bóp bấm huyệt, chườm ngải cứu, ngâm chân, xông thuốc y học cổ truyền, chích lễ...

- Về Phục hồi chức năng : Điện xung, điện phân thuốc, máy áp lực hơi, kéo giãn, chiếu đèn hồng ngoại, siêu âm... đặc biệt một số kỹ thuật như oxy cao áp, điện sinh học, đo đa ký giấc ngủ.

- Bệnh viện đã tiếp nhận chuyên giao, làm chủ các kỹ thuật điều trị trĩ, tán sỏi ngoài cơ thể.

F. Công bố cơ sở cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

- Bệnh viện đã công bố cơ sở đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe với chuyên ngành Bác sỹ CKI Y học cổ truyền, Bác sỹ chuyên ngành Y học cổ truyền; Cao đẳng Điều dưỡng (Môn học/học phần: Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng) ngày 24/6/2021 với Học viện Y dược cổ truyền Việt Nam.

- Đang thực hiện hồ sơ công bố cơ sở thực hành cấp chứng chỉ hành nghề với Bác sỹ/y sĩ Y học cổ truyền theo Nghị Định 96/2023/NĐ-CP.

III. Đề xuất kiến nghị

1. Đề nghị Trường Đại học Y Hà Nội xem xét, phê duyệt Bệnh viện Y học cổ truyền Lào Cai là cơ sở thực hành, tham gia đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Chuyên khoa I Y học cổ truyền, Chuyên khoa II quản lý y tế.

2. Giúp đỡ Bệnh viện Y học cổ truyền trong công tác đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực, công tác nghiên cứu khoa học.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai kính đề nghị Trường Đại học Y Hà Nội xem xét, phối hợp, giúp đỡ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Bệnh viện Y học cổ
truyền
24-04-2024 10:38:51
+07:00

Mai Xuân Trung

Số: ~~644~~/QĐ-ĐHYD

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận hoàn thành khóa học và cấp chứng chỉ tham gia khóa học
“Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong
đào tạo khối ngành sức khỏe” khóa 19

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Y Dược là trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3369/QĐ-ĐHQGHN ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc triển khai hoạt động Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số ~~333~~/QĐ-ĐHYD ngày 06 tháng 05 năm 2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Y Dược về việc mở lớp “ Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe” khóa 19;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hoàn thành khóa học và cấp chứng chỉ tham gia khóa học “Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe” khóa 19 cho các học viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục và các học viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TT KT&ĐBCLGD.T3.



DANH SÁCH HỌC VIÊN

Hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ tham gia khóa học

“Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong
đào tạo khối ngành sức khỏe” khóa 19 từ ngày 15/05/2021 đến 08/06/2021

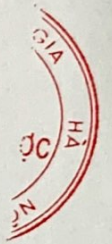
(Ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-ĐHYD ngày 16/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược)

Số CC	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Đơn vị công tác
2616	Mai Xuân Trung	Ông	10/08/1981	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2617	Nguyễn Thị Song Hương	Bà	30/08/1970	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2618	Dương Quốc Nghị	Ông	17/11/1981	Thái Nguyên	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2619	Hoàng Quốc Vương	Ông	11/01/1987	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2620	Lê Hải Vân	Bà	27/11/1989	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2621	Phạm Thị Kim Anh	Bà	19/11/1976	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2622	Cao Văn Việt	Ông	10/10/1966	Hà Nam	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2623	Phạm Văn Chiêu	Ông	01/08/1984	Nam Định	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2624	Nguyễn Hương Sen	Bà	26/09/1979	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2625	Nguyễn Thị Bích Liên	Bà	30/08/1989	Yên Bái	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2626	Lưu Thị Thu Huyền	Bà	09/04/1988	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2627	Nguyễn Hoàng Văn Anh	Bà	23/10/1992	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2628	Vũ Thu Hương	Bà	10/02/1979	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2629	Phùng Thị Hoa	Bà	15/07/1977	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2630	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bà	14/12/1978	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2631	Đàm Quốc Việt	Ông	07/11/1985	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2632	Nguyễn Thị Thanh Hương	Bà	03/03/1971	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2633	Trần Kim Minh	Bà	14/01/1982	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2634	Huỳnh Minh Yến Chi	Bà	07/09/1988	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2635	Nguyễn Mỹ Bình	Bà	15/12/1975	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2636	Phùng Hải Yến	Bà	23/08/1992	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2637	Bùi Thị Thuý Hồng	Bà	11/12/1982	Yên Bái	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2638	Mùi Thị Huệ	Bà	22/09/1987	Sơn La	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

ỐC
TRƯỜNG
HỌC Y DƯỢC
★

Số CC	Họ và Tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Đơn vị công tác
2639	Nguyễn Ánh Tuyết	Bà	20/09/1989	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2640	Đào Thị Tuyết	Bà	12/10/1985	Hà Nội	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2641	Nguyễn Chính Linh	Ông	23/06/1994	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2642	Trần Thị Nhung	Bà	20/12/1993	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2643	Lê Kiên Cường	Ông	10/05/1978	Lào Cai	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

Ấn định danh sách 28 học viên./.



QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy định số 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản số 03/BB-HĐKHĐT ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc xin ý kiến về nội dung rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Trưởng khoa Y học cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền của Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Trường Viện/Khoa/Bộ môn và các đơn vị có liên quan trong toàn Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tú

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Ban hành theo Quyết định số 6907/QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Trường Đại học Y Hà Nội)

Tên chương trình đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền
(Traditional Medicine Doctor)
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy
Ngành đào tạo: Y học cổ truyền
Mã số: 7720115

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền (YHCT) đạt chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ YHCT Việt Nam về khả năng giải quyết những vấn đề sức khỏe thông thường bằng YHCT, YHCT kết hợp với y học hiện đại (YHHĐ) một cách an toàn, chất lượng với nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng; có khả năng tự học, khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tổ chức và quản lý; có khả năng giao tiếp hiệu quả và tác phong hành nghề chuyên nghiệp dựa trên những chuẩn mực về đạo đức, trách nhiệm phù hợp với bối cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bác sĩ YHCT Trường Đại học Y Hà Nội phải có:

MT1. Kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học trong chăm sóc sức khỏe thông thường cho người bệnh bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ một cách an toàn, chất lượng và hiệu quả.

MT2. Khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tự học và học tập suốt đời để phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn cũng như rèn luyện phẩm chất người bác sĩ trong suốt quá trình hành nghề của mình.

MT3. Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn.

MT4. Có kỹ năng giao tiếp tốt và phối hợp trao đổi thông tin một cách có hiệu quả với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng.

MT5: Khả năng thích ứng với những nhiệm vụ, những thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng, xã hội, khả năng giáo dục sức khỏe cho người bệnh về thực hành chăm sóc sức khỏe bằng YHCT.

MT6: Có tác phong hành nghề chuyên nghiệp dựa trên các chuẩn mực về đạo đức trong thực hành y khoa, hiểu biết và tuân thủ pháp luật của nhà nước cũng như các quy định của ngành.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

PLO1. Vận dụng các kiến thức khoa học y sinh (giải phẫu, sinh lý học, hóa sinh, sinh học tế bào, di truyền học, hệ gen, y học cá thể, miễn dịch học, vi sinh, sinh học phân tử, dinh dưỡng, bệnh học, dược lý học, dược lâm sàng và YHCT,...) trong thực hành y khoa và trong hoạt động chăm sóc người bệnh bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ.

PLO2. Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng trong thực hành chăm sóc y khoa, kết hợp YHCT và YHHĐ.

PLO3. Vận dụng các phương pháp, cách tiếp cận khoa học trong nghiên cứu y học.

PLO4. Áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong giải quyết các vấn đề sức khỏe thường gặp trong chăm sóc sức khỏe ban đầu và một số bệnh lý cấp cứu, bao gồm các phương pháp điều trị không dùng thuốc và điều trị bằng thuốc của YHCT và YHHĐ.

PLO5. Đạt năng lực ngoại ngữ (tối thiểu bậc 3 – Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) để tìm kiếm thông tin. Sử dụng thông tin hiệu quả và an toàn trong phạm vi y học, làm bệnh án y khoa chính xác, rõ ràng.

PLO6. Nắm vững quan điểm, chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người bệnh. Tuân thủ các quy định liên quan đến thực hành khám chữa bệnh.

2.2. Kỹ năng

PLO7. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh thông thường bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ.

PLO8. Đưa ra chỉ định hợp lý và thực hành thành thạo một số thủ thuật cơ bản theo quy trình kỹ thuật chuyên ngành YHCT của Bộ Y tế

PLO9. Phát hiện và xử trí kịp thời, an toàn những cấp cứu thường gặp tại tuyến y tế cơ sở; đánh giá, xử trí bước đầu và chuyển tuyến phù hợp, đúng nguyên tắc.

PLO10. Giao tiếp hiệu quả, tích cực, trung thực với người bệnh, người nhà, người chăm sóc, người bảo trợ, đồng nghiệp, áp dụng bảo mật thông tin người bệnh phù hợp.

PLO11. Lập kế hoạch chăm sóc, quản lý các vấn đề sức khỏe thường gặp, tư vấn và giáo dục sức khỏe có hiệu quả cho người bệnh bằng YHCT kết hợp YHHĐ.

PLO12. Kê đơn thuốc an toàn, phù hợp, hiệu quả kinh tế. Nhận thức được nguyên nhân thường gặp và hậu quả của việc kê đơn thuốc sai.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO13. Xác định được vị trí, trách nhiệm của một bác sỹ chuyên ngành YHCT trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người dân bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. Chủ động tự học tập, tự định hướng và phát triển bản thân.

PLO14. Xác định được tầm quan trọng của nền YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ trong hệ thống y tế Việt Nam và Quốc tế

PLO15. Tác phong y khoa chuyên nghiệp (tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách

quan, ý thức, tôn trọng, hợp tác, thấu hiểu/chia sẻ), vì quyền lợi và an toàn của người bệnh cũng như cộng đồng.

PLO16. Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghiên cứu và tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa.

2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập có đơn vị YHCT.
- Các cơ sở đào tạo cán bộ y tế có giảng dạy YHCT.
- Các trung tâm nghiên cứu thuộc lĩnh vực YHCT hoặc liên quan với YHCT.
- Các công ty dược phẩm thuộc lĩnh vực YHCT.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Bác sĩ nội trú chuyên ngành YHCT

Bác sĩ chuyên khoa I YHCT

Bác sĩ chuyên khoa II YHCT

Thạc sĩ nghiên cứu chuyên ngành YHCT

Thạc sĩ ứng dụng chuyên ngành YHCT

Tiến sĩ YHCT

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo xây dựng chương trình

- Quyết định 3159/QĐ-BYT về việc phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ YHCT Việt Nam".

- World Health Organization (2010), Benchmarks for training in traditional/complementary and alternative medicine: benchmarks for training in traditional Chinese medicine. (Tổ chức y tế thế giới - Các chuẩn về đào tạo YHCT/Thay thế và bổ sung: Chuẩn cho đào tạo Trung y).

- Australia - Chinese Medicine Board (2020) "Professional capabilities for Chinese Medicine practitioners", (Úc - Hiệp hội Trung Y - Năng lực chuyên nghiệp cho người hành nghề Trung Y).

- Korean Ministry of Health and Welfare (2016), "Competency standards for Doctor of Korean Medicine". (Bộ Y tế và phúc lợi Hàn Quốc - Năng lực cơ bản cho bác sĩ Hàn Y).

3. Thời gian đào tạo: 6 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính theo tín chỉ): 237,5 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Nhà Trường.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo trong 6 năm, chia làm 12 học kì

6.2. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Nhà trường

7. Phương thức đánh giá, lượng giá trong chương trình đào tạo

Đánh giá theo thang điểm 10 chuyển đổi theo thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định đào tạo đại học hiện hành của Nhà trường

8. Các nội dung đối sách và tham chiếu: Các nội dung tham chiếu, đối sánh trong trường và ngoài trường về chương trình đào tạo.

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần	
			Lý thuyết	Thực hành
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
1.1.	Các học phần bắt buộc			
	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
	Kinh tế chính trị Mác – Lê	2	2	0
	Ngoại ngữ	8	8	0
	Tin học đại cương	1	0,5	0,5
1.2.	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng			
	Giáo dục thể chất	3	0	3
	Giáo dục quốc phòng	8.5	6	2.5
	Y học thể dục thể thao	1	1	0
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành			
	Dân số học	1	1	0
	Sinh học	2	1,5	0,5
	Di truyền	2	1,5	0,5
	Lý sinh y học	3	2	1
	Hóa học	3	2,5	0,5
	Tin học ứng dụng	2	1	1
	Xác suất thống kê	2	1	1
	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	1,5	0,5
2.2.	Kiến thức ngành và chuyên ngành			
2.2.1.	Các học phần bắt buộc			
	Giải phẫu	6	4	2
	Mô phôi	3	2	1
	Sinh lý học	4	3	1
	Hoá sinh	3	2	1
	Vi sinh	3	2	1
	Ký sinh trùng	3	2	1
	Giải phẫu bệnh	3	2	1
	Sinh lý bệnh	2	1,5	0,5
	Miễn dịch	2	1,5	0,5

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần	
			Lý thuyết	Thực hành
	Dược lý	4	3	1
	Tổ chức và quản lý y tế	2	1	1
	Nhà nước và pháp luật	2	2	0
	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	1	1
	Chế biến dược liệu và Thực vật dược	2	1	1
	Lý luận cơ bản YHCT	6	4	2
	Dịch tễ học	2	1	1
	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1
	Phẫu thuật thực nghiệm	2	1,5	0,5
	Nghiên cứu khoa học	1	1	0
	Tiền lâm sàng YHHĐ	4	0	4
	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2	1,5	0,5
	Thực tế cộng đồng I	1	0	1
	Nội cơ sở YHHĐ	6	3	3
	Ngoại cơ sở YHHĐ	5	3	2
	Tiền lâm sàng YHCT	2	0	2
	Nội bệnh lý YHHĐ 1	7	3	4
	Ngoại bệnh lý YHHĐ	3	2	1
	Sản phụ khoa YHHĐ	3	2	1
	Nhi khoa YHHĐ	3	2	1
	Da liễu YHHĐ	2	1	1
	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2	1	1
	Lao và bệnh phổi	1	0,5	0,5
	Phục hồi chức năng	3	1	2
	Tâm thần	2	1	1
	Thần kinh	3	1	2
	Truyền nhiễm	2	1	1
	Ung thư	2	1	1
	Châm cứu học	6	3	3
	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	4	2	2
	Thuốc YHCT	6	3	3
	Phương tễ	6	4	2
	Bệnh học Lão khoa YHCT	3	2	1
	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	1	1	0
	Nội bệnh lý YHCT 1	5	3	2
	Ôn bệnh	1	1	0
	Bệnh học Ngũ quan	2	1,6	0,4

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần	
			Lý thuyết	Thực hành
	Da liễu YHCT	2	1	1
	Ngoại bệnh lý YHCT	2	1	1
	Nhi YHCT	2	1	1
	Nội bệnh lý YHHĐ 2	5	3	2
	Nội bệnh lý YHCT 2	8	4	4
	Sản- phụ khoa YHCT	2	1	1
	Thực tế cộng đồng II- YHCT	2	0	2
2.2.2.	Các học phần tự chọn (1 môn)			
	Tai mũi họng	2	1	1
	Mắt	2	1	1
2.3	Kiến thức bổ trợ			
	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	4	2	2
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học (hoặc môn thay thế)			
	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5
	Thi lý thuyết tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
	Tổng	237,5	142,6	94,9

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 237,5 tín chỉ với 226,5 tín chỉ học tập và 11 tín chỉ tốt nghiệp.

9.2. Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo, nêu rõ điều kiện tiên quyết môn học trong chương trình đào tạo.

1. Triết học Mác – Lênin

3 tín chỉ

Môn học Triết học Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống, sự phát triển của triết học trong lịch sử và vai trò của nó trong đời sống ngày nay. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn cung cấp cơ sở về thế giới quan, phương pháp luận khoa học để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2 tín chỉ

Môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng CSVN. Cung cấp cho người học những tri thức kinh tế chính trị về PTSX TBCN và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Phát huy những giá trị bền vững của Kinh tế chính trị Mác - Lênin đồng thời nâng cao tính thiết thực đối với việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà trường

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 tín chỉ

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học một cách có hệ thống về sự ra đời các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn tạo điều kiện để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, nền tảng về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tập trung vào các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân của người học trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Giúp sinh viên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 tín chỉ

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng vào công việc và cuộc sống thường ngày, đặc biệt là việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay

6. Ngoại ngữ

8 tín chỉ

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y, đồng thời có thể áp dụng tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông (Anh văn) và Sơ cấp đối với sinh viên mới bắt đầu khi vào đại học (Trung văn).

7. Tin học đại cương

1 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng thực hành tổng hợp về sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng internet cơ bản.

Người học hoàn thành Học phần Tin học Đại cương có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Bộ Thông tin và Truyền thông

8. Giáo dục thể chất

3 tín chỉ

Thực hành Giáo dục thể chất là việc tăng cường khả năng vận động, phối hợp động tác. Nhằm cho người tập có đủ thể chất, sức khỏe, tinh thần trong công tác và học tập. Đồng thời góp phần nâng cao sức khỏe toàn dân trong công việc bảo vệ và xây dựng

tổ quốc. Thực hành Giáo dục thể chất được quy định bởi những quy chuẩn pháp luật và các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

9. Giáo dục quốc phòng - an ninh

8,5 tín chỉ

Môn học gồm 4 học phần. Trong đó có 2 học phần lý thuyết được giảng dạy theo phương pháp thuyết trình, giảng giải, lượng giá bằng hình thức tự luận. Học phần 3, 4 thực hành giảng dạy theo phương pháp làm mẫu trực quan qua 3 bước, thi hết học phần bằng hình thức thi bản kết hợp vấn đáp. Sau khi kết thúc môn học sinh viên hiểu rõ hơn đường lối quân sự, công tác quốc phòng an ninh của Đảng góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong xây dựng lực lượng vũ trang, tham gia tích cực vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, hiểu rõ âm mưu thù đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta thông qua chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, đấu tranh phê phán, đẩy lùi tệ nạn xã hội ra khỏi môi trường học đường và toàn xã hội, đồng thời được trang bị những kỹ năng quân sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn hiện nay, rèn luyện tác phong học tập, công tác chính quy mẫu mực.

10. Nhà nước và pháp luật

2 tín chỉ

Mục đích của môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, từ đó áp dụng kiến thức liên quan tới pháp luật vào cuộc sống và các tình huống trong thực hành y khoa

11. Xác suất thống kê

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; xử lý được các số liệu thống kê; ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

12. Dân số học

1 tín chỉ

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

13. Sinh học

2 tín chỉ

Môn học giúp chúng ta nắm bắt được sự hình thành và hoạt động của sinh vật đặc biệt là con người. Chúng ta có thể học về cấu trúc của các tế bào, cơ quan và các hệ thống của chúng ta. Điều đó là tiền đề cho con người có thể bảo vệ sức khỏe của mình, chăm sóc cho cơ thể của mình và giữ cho môi trường xung quanh được lành mạnh hơn. Các kỹ năng mà chúng ta học được khi học Sinh học, như năng lực phân tích, suy luận và đổi chiều, kèm theo những ví dụ minh họa dành cho đào tạo bác sĩ đa khoa, tạo cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn y học lâm sàng và cũng rất hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề khác trong cuộc sống.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các tế bào, phân tử, mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, với cơ thể, với môi trường; một số qui luật di truyền. Vận dụng được những kiến thức cơ bản sinh học di

truyền để giải thích bản chất, cơ chế một số hiện tượng y học và áp dụng vào việc học tập các môn lâm sàng.

14. Di truyền

2 tín chỉ

Nội dung gồm cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

15. Lý sinh y học

3 tín chỉ

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cụ thể.

16. Hoá học

3 tín chỉ

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hoá học, hoá phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

17. Tin học ứng dụng

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

18. Xác suất - Thống kê

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

19. Tâm lý y học - đạo đức y học

2 tín chỉ

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

20. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

2 tín chỉ

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

21. Giải phẫu

6 tín chỉ

Học phần Giải phẫu 1 cung cấp cho người học các kiến thức về vị trí, hình thể, kích thước, liên quan chính, cấu trúc đại thể của các cơ quan ở đầu, cổ, các chi trong cơ thể người bình thường. Đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức sơ bộ về hoạt động chức năng của các cơ quan, mối liên hệ của giải phẫu theo y học hiện đại với y học

cổ truyền . Từ đó sinh viên có thể áp dụng vào việc học tập trong chăm sóc sức khoẻ thông thường cho người bệnh bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ một cách an toàn, chất lượng và hiệu quả

22. Mô phôi

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

23. Sinh lý học

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, Hoá học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường; vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần

- Sinh lý I: 2 tín chỉ

- Sinh lý II: 2 tín chỉ

24. Hóa sinh

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Hoá học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản và hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học.

25. Vi sinh

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

26. Ký sinh trùng

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

27. Giải phẫu bệnh

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và

môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng để xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

28. Sinh lý bệnh

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung.

29. Miễn dịch

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Sinh lý bệnh

Nội dung gồm hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn.

30. Dược lý

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Hoá sinh, sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

31. Lý luận cơ bản YHCT

6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết môn học: Dược lý, Tâm lý y học-Đạo đức y học.

Nội dung gồm những lý luận cơ bản của học thuyết âm dương, ngũ hành, kinh lạc, tạng phủ. Nguyên nhân gây bệnh của YHCT và phương pháp chẩn đoán bệnh theo YHCT: Tứ chẩn, bát cương. Nguyên tắc điều trị YHCT và các nguyên tắc nghiên cứu kế thừa YHCT

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Lý luận YHCT I: 4 tín chỉ

- Lý luận YHCT II: 2 tín chỉ

32. Dịch tễ học

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

33. Điều dưỡng cơ bản

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

34. Chẩn đoán hình ảnh

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, giải phẫu

Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

35. Kỹ năng giao tiếp

2 tín chỉ

Nội dung gồm các nguyên tắc giao tiếp cơ bản với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân, hỏi bệnh sử, hỏi tiền sử, kỹ năng cung cấp thông tin và kỹ năng báo tin xấu.

36. Phẫu thuật thực nghiệm

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của ngoại khoa như biết tên dụng cụ, cách buộc chỉ, có kiến thức về một số kỹ thuật ngoại khoa cơ bản và thực hành được một số phẫu thuật trên súc vật.

37. Nghiên cứu khoa học

1 tín chỉ

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản để tiến hành nghiên cứu một vấn đề sức khỏe nào đó trong cộng đồng bao gồm các phương pháp tiếp cận và các lý thuyết cơ bản khi tiến hành một nghiên cứu, các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu.

38. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Hoá sinh, vi sinh

Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

39. Nội cơ sở YHHD

6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý.

Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa. Các nguyên nhân gây bệnh của các hội chứng (theo Y học hiện đại).

Nội dung gồm triệu chứng học về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

40. Ngoại cơ sở YHHD

5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây mê, gây mê, vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

Nội dung gồm triệu chứng học của các chuyên khoa: Cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, sọ não, cơ-xương khớp, tiết niệu, chấn thương, nhi khoa.

41. Nội bệnh lý

25 đvht

Môn học Nội bệnh lý được thiết kế thành 2 phần:

*** Phần YHHD:**

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm những kiến thức chung về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính một số bệnh lý nội khoa.

Phần Y học hiện đại được thiết kế thành 2 học phần:

- Nội bệnh lý I - 7 tín chỉ:

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu. .

- Nội bệnh lý II - 5 tín chỉ

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa: Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

*** Phần YHCT:**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý I, Lý luận YHCT, Thuốc YHCT, Phương tễ, Phương pháp điều trị không dùng thuốc, Chăm cứu học.

Phần YHCT được thiết kế thành 2 học phần:

- YHCT I: 5 tín chỉ

- YHCT II: 8 tín chỉ

Nội dung gồm các triệu chứng, chẩn đoán bệnh danh, các thể lâm sàng (phân tích nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh - biện chứng) từ đó đề ra phương pháp điều trị thích hợp (Luận trị) và áp dụng điều trị thực tế bằng phương dược và phương huyết hay xoa bóp bấm huyệt.

42. Ngoại bệnh lý

5 tín chỉ

- Ngoại bệnh lý I - Phần YHHD: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh.

Nội dung gồm những kiến thức chung về đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

- Ngoại bệnh lý II - Phần YHCT: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Ngoại bệnh lý I, Phục hồi chức năng, Thuốc YHCT, Phương pháp điều trị không dùng thuốc.

Nội dung gồm đặc điểm bệnh lý và phương pháp điều trị một số bệnh thuộc lĩnh vực ngoại khoa YHCT trong đó có bệnh Trĩ, nắn bó gãy xương trong các trường hợp nhẹ...

43. Phụ sản

5 tín chỉ

- Phụ sản I - Phần YHHD: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở.

Nội dung gồm những kiến thức chung về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường, chẩn đoán định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu, chẩn đoán một số trường hợp thai nghén bệnh lý và một số bệnh phụ khoa thường gặp.

- Phụ sản II - Phần YHCT: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Phụ sản I

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý của phụ nữ theo YHCT. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp bằng thuốc YHCT và Phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

44. Nhi khoa

5 tín chỉ

- Nhi khoa I - Phần YHHĐ: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở.

Nội dung gồm chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý và tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em. Một số kiến thức về bệnh lý trẻ em. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh và cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

- Nhi khoa II - Phần YHCT: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa I

Nội dung gồm đặc điểm sinh bệnh lý trẻ em theo YHCT và mô tả triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị (thuốc, châm cứu, xoa bóp) một số bệnh nhi khoa thường gặp: Suy dinh dưỡng, ỉa chảy kéo dài, đái dầm, sởi, phục hồi di chứng bại liệt...

45. Lao và bệnh phổi

1 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm thực trạng bệnh lao ở Việt Nam và trên Thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình phòng chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao; chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp.

46. Da liễu

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

- Phần YHHĐ (2 tín chỉ): Nội dung gồm thương tổn cơ bản một số bệnh da liễu thường gặp. Điều trị và phòng chống một số bệnh da liễu thường gặp ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Phần YHCT (2 tín chỉ): Nội dung gồm đặc điểm bệnh ngoài da theo YHCT và nguyên tắc điều trị chung. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh ngoài da thường gặp bằng thuốc YHCT và phương pháp điều trị không dùng thuốc.

47. Phục hồi chức năng

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; nguyên tắc và một số kỹ thuật trong phục hồi chức năng bằng Y học hiện đại và YHCT.

48. Thần kinh

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp; Xử trí bằng các phương pháp YHCT kết hợp với Y học hiện đại một số

hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông...

49. Ung thư

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp bằng YHCT kết hợp với Y học hiện đại.

50. Tai mũi họng

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng,, chẩn đoán và xử trí các bệnh tai mũi họng thông thường, một số cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng

51. Tiền lâm sàng YHHĐ

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, truyền thông và giáo dục sức khoẻ.

Thực hành những kỹ năng về giao tiếp, những kỹ năng thăm khám YHHĐ trong nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa,... trên mô hình hoặc bệnh nhân giả định trước khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

52. Tiền lâm sàng YHCT

2 tín chỉ

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Tiền lâm sàng YHCT I* (1 tín chỉ): thực hành các kỹ năng giao tiếp và thăm khám bằng YHCT, kỹ năng về phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc và nhận biết thuốc YHCT.

- *Tiền lâm sàng YHCT II* (1 tín chỉ): Thực hành những kỹ năng thăm khám Nội YHCT

53. Tổ chức và quản lý y tế

2 tín chỉ

Nội dung gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng.

54. Châm cứu học

6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Sinh hoá, Dược lý.

Nội dung gồm cơ chế châm cứu dưới góc độ của YHCT và YHHĐ. Chỉ định, chống chỉ định của châm cứu. Phương pháp và các thủ thuật châm cứu, các huyệt vị cơ bản theo đường kinh và phương huyệt điều trị một số bệnh thường gặp.

dùng trong cộng đồng.

55. Phương pháp điều trị không dùng thuốc

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh – Miễn dịch.

Nội dung gồm phương pháp dưỡng sinh cơ bản theo YHCT; Phương pháp luyện khí công cơ bản; Chỉ định, chống chỉ định và các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt trong YHCT.

56. Tác phẩm kinh điển của YHCT Việt Nam **1 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản, Thuốc YHCT, Phương tế.

Nội dung gồm học thuyết Thủy Hỏa của Hải Thượng Lãn Ông và một số vị thuốc, bài thuốc nghiệm phương điều trị một số chứng bệnh thường gặp trong Nam dược thần hiệu.

57. Thuốc YHCT **6 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Thực vật dược, Chế biến dược liệu.

Nội dung gồm nguồn gốc, tính năng dược vật, cấm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

58. Chế biến dược liệu và Thực vật dược **2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền, Thuốc cổ truyền

Nội dung gồm thực vật dược đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hoá của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong YHCT. Nội dung gồm các phương pháp bào chế cổ truyền cơ bản đối với các vị thuốc thường dùng trong YHCT.

59. Phương tế **6 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Thuốc YHCT, Chế biến dược liệu.

Nội dung gồm nguyên tắc, cấu tạo, cách xây dựng một bài thuốc YHCT. Phân loại các bài thuốc YHCT và 120 bài thuốc cổ phương cơ bản và các bài thuốc nam thường

60. Bệnh học Ngũ quan **2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý về mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt theo YHCT. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt mà YHCT có khả năng điều trị và kết hợp Y học hiện đại với YHCT.

61. Bệnh học Lão khoa YHCT **3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHCT, mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh người cao tuổi thường gặp bằng thuốc YHCT và phương pháp điều trị không dùng thuốc.

62. Ôn bệnh **1 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm bệnh truyền nhiễm theo YHCT (Ôn bệnh) và mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp bằng thuốc YHCT.

63. Thực tế cộng đồng **3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý. Nhi khoa, Phụ khoa, phương tễ, phương pháp điều trị không dùng thuốc, chăm cứu học, chương trình y tế quốc gia

Thiết kế và thực hiện chẩn đoán sức khoẻ cộng đồng và bước đầu lập kế hoạch can thiệp bằng YHCT và YHCT kết hợp YHHĐ.

Chia thành 2 học phần: Thực tế cộng đồng I (1 tín chỉ) và Thực tế cộng đồng 2 YHCT (2 tín chỉ)

64. Chuyên đề lâm sàng/Thực hành nghiên cứu tự chọn **6 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Bệnh học Lão khoa, Bệnh học Ngũ quan, Bệnh học Da liễu

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng để viết các chuyên đề về lĩnh vực YHCT (khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp)

65. Thực tế tốt nghiệp YHCT **5 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Bệnh học Lão khoa, Bệnh học Ngũ quan, Bệnh học Da liễu

Nội dung gồm kiến thức và những kỹ năng cần thiết để xây dựng kế hoạch quản lý, khám, chữa bệnh, giao tiếp có hiệu quả với người bệnh và đồng nghiệp

10. Kế hoạch giảng dạy, tiến trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC			Đơn vị giảng dạy	Học kì
			Tổng	LT	TH		
		Năm thứ nhất					
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng	8,5	6	2,5	Bộ môn Giáo dục quốc phòng	I
2	PHYE01	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	Bộ môn Giáo dục thể chất	
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3	3	0	Bộ môn Ngoại ngữ	
4	BIOP00	Lý sinh y học	3	2	1	Bộ môn Y vật lý	
5	CHEM00	Hóa học	3	2,5	0,5	Bộ môn Hóa học	
6	ANAT01	Giải phẫu 1	3	2	1	Bộ môn Giải phẫu	
7	PHYL00	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	Bộ môn Lý luận chính trị	
8	POPU00	Dân số	1	1	0	Bộ môn Dân số	II
9	INFO01	Tin học cơ bản	1	0,5	0,5	Bộ môn Toán- Tin	
10	LANG02	Ngoại ngữ 2	3	3	0	Bộ môn Ngoại ngữ	
11	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	Bộ môn Lý luận chính trị	
12	PHYE02	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	Bộ môn Giáo dục thể chất	
13	GENB01	Sinh học	2	1,5	0,5	Bộ môn Y sinh học Di truyền	
14	ANAT02	Giải phẫu 2	3	2	1	Bộ môn Giải phẫu	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC			Đơn vị giảng dạy	Học kì
			Tổng	LT	TH		
		Cộng (1)	37,5	28,5	9		
		Năm thứ hai					
15	LANG03	Ngoại ngữ 3	2	2	0	Bộ môn Ngoại ngữ	III
16	MICR00	Vi sinh	3	2	1	Bộ môn Vi sinh	
17	HIEM00	Mô phôi	3	2	1	Bộ môn Mô - Phôi thai học	
18	BIOC00	Hoá sinh	3	2	1	Bộ môn Hóa sinh	
19	PHYS01	Sinh lý học 1	2	1,5	0,5	Bộ môn sinh lý	
20	IMMU00	Miễn dịch	2	1,5	0,5	Bộ môn Sinh lý bệnh miễn dịch	
21	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	Khoa Điều dưỡng Hộ sinh	
22	NUTR00	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	2	1,5	0,5	Bộ môn Dinh dưỡng	
23	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	Bộ môn Lý luận chính trị	
24	HCFI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Bộ môn lý luận chính trị	IV
25	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	Bộ môn Giáo dục thể chất	
26	PSYE00	Tâm lý y học - đạo đức y học	2	1,5	0,5	Bộ môn Y đức và tâm lý học	
27	LAWS00	Nhà nước pháp luật	2	2	0	Bộ môn Y đức và Tâm lý học	
28	STAP00	Xác xuất thống kê	2	1	1	Bộ môn Toán – Tin	
29	SKIL00	Kĩ năng giao tiếp	2	1	1	Bộ môn GDYH&KNTLS	
30	PARA00	Ký sinh trùng	3	2	1	Bộ môn Ký sinh trùng	
31	PHYS02	Sinh lý học 2	2	1,5	0,5	Bộ môn Sinh lý học	
32	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm	2	1,5	0,5	Bộ môn Phẫu thuật thực nghiệm	
		Cộng (2)	39	28	11		
		Năm thứ ba					
33	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	Bộ môn Lý luận chính trị	V
34	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1	0	1	Bộ môn Giáo dục	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC			Đơn vị giảng dạy	Học kì
			Tổng	LT	TH		
						thể chất	
35	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	1	1	Bộ môn Giáo dục sức khỏe	
36	INFO02	Tin học ứng dụng	2	1	1	Bộ môn Thống kê y học	
37	PANA00	Giải phẫu bệnh	3	2	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh	
38	PATH00	Sinh lý bệnh	2	1,5	0,5	Bộ môn Sinh lý bệnh- Miễn dịch	
39	PREC00	Tiền lâm sàng Y học hiện đại	4	0	4	Bộ môn GDYH&KNTLS	
40	THEO01	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền 1	4	4	0	Khoa YHCT	
41	COMM01	Thực tế cộng đồng I	1	0	1	Viện ĐT YHDP&YTCC	
42	PHAR01	Dược lý	4	3	1	Bộ môn Dược lý	
43	GENB02	Di truyền	2	1,5	0,5	Bộ môn Y sinh học Di truyền	
44	INTE02	Nội cơ sở Y học hiện đại	6	3	3	Bộ môn Nội tổng hợp	VI
45	SURG02	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	5	3	2	Bộ môn Ngoại	
46	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	2	1	1	Bộ môn Tổ chức y tế	
47	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1	1	0	Bộ môn Thống kê y học	
		Cộng (3)	41	24	17		
		Năm thứ tư					
48	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	VII
49	INTE08	Nội bệnh lý Y học hiện đại 1	7	3	4	Bộ môn Nội tổng hợp	
50	SURG06	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3	2	1	Bộ môn Ngoại	
51	OBGY07	Sản phụ khoa Y học hiện đại	3	2	1	Bộ môn Sản	
52	PEDI03	Nhi khoa Y học hiện đại	3	2	1	Bộ môn Nhi	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC			Đơn vị giảng dạy	Học kì
			Tổng	LT	TH		
53	EPID00	Dịch tễ học	2	1	1	Bộ môn Dịch tễ	VIII
54	REPH00	Phục hồi chức năng	3	1	2	Bộ môn Phục hồi chức năng	
55	ONCO00	Ung thư	2	1	1	Bộ môn Ung thư	
56	DERM01	Da liễu Y học hiện đại	2	1	1	Bộ môn Da liễu	
57	INFD00	Truyền nhiễm	2	1	1	Bộ môn Truyền nhiễm	
58	NEUR00	Thần kinh	3	1	2	Bộ môn Thần kinh	
59	MENT00	Tâm thần	2	1	1	Bộ môn Tâm thần	
60	ORLA00	Tự chọn: (SV chọn 1 trong 2 học phần)	2	1	1	Bộ môn Tai mũi họng	
	EYE00	- Tai mũi họng - Mắt					
61	ALLE00	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2	1	1	Bộ môn Dị ứng và MDLS	
62	TUBL00	Lao và bệnh phổi	1	0,5	0,5	Bộ môn Lao	
63	THEO02	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền 2	2	0	2	Khoa YHCT	
64	PREC01	Tiền lâm sàng Y học cổ truyền 1	1	0	1	Khoa YHCT	
		Cộng (4)	45	21,5	23,5		
		Năm thứ năm					
65	ACUP00	Châm cứu học	6	3	3	Khoa YHCT	Kỳ IX + X
66	PREC02	Tiền lâm sàng Y học cổ truyền 2	1	0	1	Khoa YHCT	
67	TRME00	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	4	2	2	Khoa YHCT	
68	HERT00	Thuốc Y học cổ truyền	6	3	3	Khoa YHCT	
69	PROC00	Chế biến dược liệu và thực vật dược	2	1	1	Khoa YHCT	
70	FORM00	Phương tễ	6	4	2	Khoa YHCT	
71	TRAC00	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	1	1	0	Khoa YHCT	
72	GERT01	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	3	2	1	Khoa YHCT	
73	WARM01	Ôn bệnh	1	1	0	Khoa YHCT	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC			Đơn vị giảng dạy	Học kì
			Tổng	LT	TH		
74	INTE06	Nội bệnh lý Y học cổ truyền I	5	3	2	Khoa YHCT	
75	ORLS00	Bệnh học ngũ quan	2	1,6	0,4	Khoa YHCT	
76	DETR00	Da liễu Y học cổ truyền	2	1	1	Khoa YHCT	
		Cộng (5)	39	22,6	16,4		
		Năm thứ sáu					
77	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	4	2	2	Trung tâm PTCHT&TVNLYT	Kỳ XI + XII
78	INTE09	Nội bệnh lý Y học hiện đại 2	5	3	2	Bộ môn Nội tổng hợp	
79	COMM02	Thực tế cộng đồng 2- Y học cổ truyền	2	0	2	Khoa YHCT	
80	SURG07	Ngoại bệnh lý Y học cổ truyền	2	1	1	Khoa YHCT	
81	OBGY06	Sản phụ khoa Y học cổ truyền	2	1	1	Khoa YHCT	
82	PEDI07	Nhi Y học cổ truyền	2	1	1	Khoa YHCT	
83	INTE07	Nội bệnh lý Y học cổ truyền II	8	4	4	Khoa YHCT	
84	THEC00	Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng	6	6	0	Các bộ môn liên quan	
85	INTC00	Thực tế tốt nghiệp	5	0	5	Khoa YHCT	
		Cộng (6)	36	18	18		
		Tổng cộng	237,5	142,6	94,9		

11. Đóng góp các học phần vào việc đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

11.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLO)					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
MT1	x	x		x		
MT2			x			
MT3		x			x	
MT4		x		x		x
MT5				x		

Y
TRƯỜNG
Y HỌC
HÀ NỘI
★

MT6						X
-----	--	--	--	--	--	---

11.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLO)					
	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
MT1	x	x	x	x	x	x
MT2						
MT3					x	
MT4				x		
MT5						
MT6						x

11.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Mức tự chủ và trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Mức tự chủ và trách nhiệm (PLO)			
	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
MT1	x	x	x	
MT2				x
MT3				
MT4			x	
MT5			x	
MT6			x	

12. Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo

Các phương pháp giảng lý thuyết:

- LEC
- TBL
- SEM

Các phương pháp giảng dạy lâm sàng:

- Tự đọc tài liệu (RTB)
- Giao bài tập nhóm (SGA)
- Động não (BST)
- Đóng vai (ROL)
- Thảo luận nhóm (SGD)
- Phân tích tình huống (CBA)
- Thao tác mẫu, thực hành lại với bảng kiểm, mô hình và người bệnh mô phỏng (SKL)
- BST (động não)
- Thảo luận nhóm SGD
- SGA (giao bài tập nhóm)
- Dạy học bên giường bệnh ca ngắn (OMP)
- Dạy học bên giường bệnh ca dài (FS)

- Dạy học cầm tay chỉ việc (CSK)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Quá trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo theo khoá học năm học và học kỳ. Mỗi năm học gồm hai học kỳ (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu). Trong 3 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong những năm tiếp theo.

13.2. Tiến trình đào tạo

Chuẩn chương trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo CTĐT được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc lồng ghép các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng, liên tục về kỹ năng, từ tiền lâm sàng và lâm sàng ... với tiến trình đào tạo như sau:

Khối kiến thức	Loại môn học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
Giáo dục đại cương	Học phần chung	x	x				
	Cơ sở của khối ngành	x	x				
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	x	x	x			
	Kiến thức ngành bắt buộc			x	x	x	x
	Kiến thức bổ trợ				x	x	x
	Thực hành nghề nghiệp						x

14. Đề cương chi tiết học phần

(Đóng kèm toàn bộ đề cương các học phần trong CTĐT)

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I**

CHUYÊN NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã số: CK 607260

Hà Nội - 2023

1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y

HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-ĐHYHN ngày 19 /06

/2023) Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Mã số: CK 607260

Thời gian đào tạo: 2 năm

Hà Nội - 2023

**2
MỤC LỤC**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 5

1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo 5
1.2. Cơ sở đào tạo 6
1.3. Tên chương trình đào tạo 6
1.4. Trình độ đào tạo 6
1.5. Chuyên ngành đào tạo 6
1.6. Mã chuyên ngành đào tạo 6
1.7. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo: 6
1.8. Ngôn ngữ đào tạo 6
1.9. Phương thức đào tạo 6
1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh 6
1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình 7
1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp 7

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7

2.1. Mục tiêu chung 7
2.2. Mục tiêu cụ thể 7
2.3. Sự phù hợp của giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường. 8

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 8

3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 8
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 9
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp 9
3.4. Các chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo 9

4. MA TRẬN SỰ PHÙ HỢP GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 9

5. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 10

7. CẤU TRÚC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 11

7.1. Cấu trúc nội dung chương trình đào tạo và tiến trình đào tạo 11
7.2. Ma trận mức độ đóng góp của học phần với chuẩn đầu ra CTĐT 12

8. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC..... 12

3

8.1. Phương pháp dạy-học 12
8.2. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học với PLO 12

9. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP..... 13

9.1. Hình thức và nội dung đánh giá 13
9.2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và PLO 13

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 14

10.1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong nước (nếu có) 14
10.2. Đối sánh với các chương trình đào tạo nước ngoài (nếu có) 14

11. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ 14

11.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng 14
11.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ 15

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU.....	15
12.1. Cơ sở giảng dạy - học tập	15
12.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học	16
12.3. Học liệu	16
13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
14. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
15. THỜI GIAN CẬP NHẬT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I ngành Y học cổ truyền (YHCT) được Trường Đại học Y xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành YHCT. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau:

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về

phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

2. Nghị định 111/2017-NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; 3. Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025;

4. Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý và đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học; 5. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

6. Quyết định số 1274/YT-K2ĐT ngày 25/02/2005 của Bộ Y tế về chương trình, tài liệu dạy/học và danh mục đào tạo sau đại học;

7. Quyết định số 31/QĐ-ĐHYHN ngày 08/01/2015 của Trường Đại học Y Hà Nội về việc thông qua và ban hành chương trình đào tạo CKII, CKII và BSNT.

8. Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2018 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm học 2018-2019.

5

9. Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 04/04/2020 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm 2020.

10. Thông tư 08/2021/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

11. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học

1.2. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Hà Nội (Hanoi Medical University) **1.3. Tên chương trình đào tạo**

- Tiếng Việt: Chuyên khoa cấp I ngành Y học cổ truyền

- Tiếng Anh: The First Degree Specialist Program in Traditional Medicine **1.4.**

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa cấp I

1.5. Ngành đào tạo

- Tiếng Việt: Y học cổ truyền

- Tiếng Anh: Traditional Medicine

1.6. Mã ngành đào tạo

- Mã ngành: CK 607260

- Mã chương trình đào tạo:

1.7. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo chính quy (Hệ tập trung) : 2 năm - Hình thức đào tạo vừa làm vừa học (Hệ tập trung theo chứng chỉ): 3 -5 năm

1.8. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1.9. Phương thức tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo theo niên

chế 1.10. Phương thức tuyển sinh

Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

6

1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình

- Có đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định đào tạo Chuyên khoa cấp I của Trường Đại học Y Hà Nội và các quy định hiện hành liên quan của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà Trường. - Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Học viên hoàn thành khóa học được cấp văn bằng theo quy định và được mô tả chi tiết trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I của Nhà trường.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Hà Nội: + **Sứ mạng:** Không ngừng phấn đấu tạo ra các sản phẩm đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ y tế tinh hoa, xứng đáng với truyền thống lịch sử hơn một thế kỷ phụng sự dân tộc.

+ **Tầm nhìn:** Là đại học nghiên cứu ngang tầm với các trường đại học y khoa hàng đầu ở châu Á

+ **Giá trị cốt lõi:** Trách nhiệm, kế thừa và phát triển

+ **Triết lý giáo dục:** Đổi mới, sáng tạo và hội nhập

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Y học cổ truyền (YHCT) có kiến thức khoa học cơ bản tốt, kiến thức chuyên ngành rộng, vận dụng được kiến thức YHCT để thăm khám, chẩn đoán, điều trị các vấn đề sức khỏe của người bệnh và kết hợp với y học hiện đại (YHHĐ); có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin và chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản; có khả năng đánh giá, cải tiến hoạt động điều trị trên cơ sở vận dụng chính sách và pháp luật y tế phù hợp; có khả năng tự học vươn lên và truyền bá thông

7

tin về YHCT với người bệnh, gia đình và cộng chúng; hợp tác liên ngành phòng chống các bệnh dịch; có tính chuyên nghiệp và phẩm chất đạo đức tốt.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

MT1. Vận dụng thành thạo kiến thức YHCT để phân tích các vấn đề sức khỏe của người bệnh, biện luận chẩn đoán và điều trị.

MT2. Kết hợp tốt YHCT với YHHĐ để chăm sóc, điều trị người bệnh an toàn, hiệu quả.

MT3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về luật pháp, về hệ thống y tế Việt Nam, chính sách y tế hiện hành, kiến thức về quản lý, phối hợp làm việc với các nguồn lực khác nhau để đảm bảo an toàn và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh.

Kỹ năng

MT4. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được các thông tin để tổ chức, quản lý, và nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị được các bệnh lý bằng phương pháp YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ một cách toàn diện, an toàn, hiệu quả. **MT5.**

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật, thủ thuật YHCT

MT6. Thực hiện tốt giao tiếp và phối hợp để trao đổi thông tin khoa học chuyên ngành một cách hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình người bệnh.

MT7. Thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến YHCT

MT8. Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3/6 Khung NLNN

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

MT9: Có khả năng tự kiểm tra và đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh của mình và đưa ra sáng kiến cải thiện chất lượng điều trị.

MT10: Có khả năng tự đào tạo, tự định hướng phát triển và hướng dẫn người khác phát triển chuyên môn.

8

MT11. Tôn trọng quyền người bệnh, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa chuyên ngành y học cổ truyền.

2.3. Sự phù hợp của giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường.

Mục tiêu	Mô tả <i>Người học sau khi tốt nghiệp</i>	Phù hợp*			
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
MT1	Vận dụng thành thạo kiến thức YHCT để phân tích các vấn đề sức khỏe của người bệnh, biện luận chẩn đoán và điều trị	X		X	
MT2	Kết hợp tốt YHCT với YHHĐ để chăm sóc, điều trị người bệnh an toàn, hiệu quả.	X		X	

MT3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về luật pháp, về hệ thống y tế Việt Nam, chính sách y tế hiện hành, kiến thức về quản lý, phối hợp làm việc với các nguồn lực khác nhau để đảm bảo an toàn và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh.	X		X	
MT4	Phân tích, tổng hợp, đánh giá được các thông tin để tổ chức, quản lý, và nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị được các bệnh lý bằng phương pháp YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ một cách toàn diện, an toàn, hiệu quả.	X		X	
MT5	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật, thủ thuật YHCT	X			
MT6	Thực hiện tốt giao tiếp và phối hợp để trao đổi thông tin khoa học chuyên ngành một cách hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình người bệnh.	X		X	X
MT7	Thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến YHCT	X	X	X	X
MT8	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4/6 Khung NLNN		X		X
MT9	Có khả năng tự kiểm tra và đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh của mình và đưa ra sáng kiến cải thiện chất lượng điều trị.	X	X	X	
MT10	Có khả năng tự đào tạo, tự định hướng phát triển và hướng dẫn người khác phát triển chuyên môn.	X	X		X
MT11	Tôn trọng quyền người bệnh, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa chuyên ngành y học cổ truyền			X	

Ghi chú: * Đánh dấu “ ✓ ” vào ô phù hợp tương ứng

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1.1. Lĩnh vực năng lực 1: Kiến thức y khoa

PLO1. Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để thăm khám, biện luận

chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. **PLO2.** Vận dụng các phương pháp, cách tiếp cận khoa học trong nghiên cứu về lĩnh vực YHCT.

PLO3. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO4. Có kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách y tế hiện hành, kiến thức về quản lý, phối hợp làm việc với các nguồn lực khác nhau để đảm bảo an toàn và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh

3.1.2. Lĩnh vực năng lực 2: Kỹ năng điều trị và chăm sóc người bệnh PLO5.

Thực hiện thăm khám, chẩn đoán và điều trị dựa trên lý luận chuyên sâu của YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ.

PLO6. Sử dụng các phương pháp điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc của YHCT và YHHĐ trong điều trị, phòng bệnh.

PLO7. Phát hiện và xử trí kịp thời, an toàn những cấp cứu thường gặp; đánh giá, xử trí cấp cứu hợp lý và chuyển tuyến phù hợp, đúng nguyên tắc. **PLO8.**

Vận dụng kiến thức về YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ trong giảng dạy, hướng dẫn thực hành lâm sàng về YHCT

3.1.3. Lĩnh vực năng lực 3: Giao tiếp và cộng tác/làm việc nhóm. PLO9: Xây dựng và duy trì mối quan hệ tương tác tích cực với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

PLO10. Hợp tác nhóm và liên ngành trong chăm sóc sức khỏe người bệnh.

3.1.4. Lĩnh vực năng lực 4: Thực hành y khoa phù hợp với hệ thống y tế Việt Nam.

PLO11. Làm việc hiệu quả trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe và hệ thống cung cấp dịch vụ liên quan đến chuyên môn của bác sĩ chuyên khoa YHCT. **PLO12.**

Phối hợp với đồng nghiệp, các chuyên gia y tế và các bên liên quan

10

trong việc chăm sóc bệnh nhân trong hệ thống chăm sóc sức khỏe góp phần nâng cao chất lượng và tối ưu hiệu quả chăm sóc người bệnh. **PLO13.** Tham gia xác định các vấn đề trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và thực hiện các giải pháp thuộc lĩnh vực y học cổ truyền.

3.1.5. Lĩnh vực năng lực 5: Học tập và nâng cao năng lực dựa trên thực hành

PLO14. Có khả năng đọc, phân tích, tự đánh giá và thu thập bằng chứng từ khoa học liên quan đến các vấn đề sức khỏe của người bệnh thuộc chuyên ngành YHCT và các chuyên ngành có liên quan.

PLO15. Thể hiện sự tự định hướng trong học tập, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

3.1.6. Lĩnh vực năng lực 6: Y đức và tính chuyên nghiệp

PLO16. Thể hiện tác phong chuyên nghiệp trong công việc.

PLO17. Thể hiện thái độ tôn trọng, tính nhân văn, văn hóa trong ứng xử với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp

PLO18. Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công việc

PLO19. Đảm bảo đầy đủ sức khỏe thể chất và tinh thần, phát triển cá nhân và nghề nghiệp liên tục.

3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền có thể làm việc ở một số vị trí sau:

- Các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập về lĩnh vực YHCT. - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng về YHCT.
- Công ty dược phẩm.
- Giảng dạy lâm sàng tại các cơ sở đào tạo, trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành sức khỏe.

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền có khả năng tự học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm. Đồng

thời học viên có thể có cơ hội để học tập nâng cao văn bằng khi tham gia các chương trình đào tạo sau:

- Chương trình bác sĩ chuyên khoa cấp 2 chuyên ngành y học cổ truyền.
- Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền (Người học có nhu cầu học Tiến sĩ trong quá trình học chuyên khoa cấp I cần phải tích lũy thêm học phần hỗ trợ Dịch tễ học,

làm Luận văn tốt nghiệp và có chứng chỉ Ngoại ngữ bậc 4/6).

3.4. Các chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo

- Bộ y tế. Quyết định số: 1636/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001, Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học
- Thủ tướng chính phủ. Quyết định Số:1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016. Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư liên tịch 11/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành ngày 27 tháng 5 năm 2015.
- Bộ y tế. Quyết định số 866/QĐ-BYT, ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực lãnh đạo, quản lý cơ bản của Giám đốc bệnh viện"

4. MA TRẬN SỰ PHÙ HỢP GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19
MT1	x				x	x	x	x											
MT2	x				x	x	x	x											
MT3				x															
MT4	x				x	x	x	x											
MT5	x				x	x		x											
MT6									x	x	x	x	x			X	x	x	x
MT7												x		x	x				
MT8			x																
MT9														x	x				
MT10								x						x	x				
MT11																	x		

Ghi chú: Đánh dấu “ ✓ ” vào ô phù hợp tương ứng

5. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I được ban hành kèm theo Quyết định số QĐ2187 ngày 19.6.2023 Ban hành CTĐT và ĐCCTHP_CKI của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội và hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Nhà trường.

6. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

Để tốt nghiệp, học viên phải hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học là 67 tín chỉ. Trong đó:

- Khối lượng kiến thức cơ bản : 11 tín chỉ - Khối lượng kiến thức cơ sở và hỗ trợ : 8 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức chuyên ngành : 46 tín chỉ. Khối lượng kiến thức thực hành trong chuyên ngành tối thiểu là 50% và tối đa là 70%. - Khối lượng kiến thức ôn tập và thi tốt nghiệp: 2 tín chỉ

7. CẤU TRÚC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc nội dung chương trình đào tạo và tiến trình đào tạo

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
		Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	11	11	0	11	0
HP1	Triết học	3	3	0	3	0
HP2	Ngoại ngữ	6	6	0	6	0
HP3	Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu	2	2	0	2	0
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	6	2	8	0
HP4	Cơ sở 1: Sinh lý học thần kinh và nội tiết	2	2	0	2	0
HP5	Cơ sở 2: Y lý Y học cổ truyền	2	2	0	2	0
HP6	Hỗ trợ: Bệnh học nội khoa Y học hiện đại	4	2	2	4	0
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	46	12	34	13	33
3.1	Học phần bắt buộc					
HP7	Chuyên ngành 1: Ôn bệnh - Thương hàn	6	2	4	6	0
HP8	Chuyên ngành 2: Phương pháp không dùng thuốc YHCT	8	2	6	8	0
HP9	Chuyên ngành 3: Phương pháp dùng thuốc YHCT	8	3	5		8
HP10	Chuyên ngành 4: Điều trị Nội Nhi YHCT	10	3	7		10
HP11	Chuyên ngành 5: Điều trị Ngoại phụ YHCT	8	2	6		8
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 1/5 học phần)	6	0	6		6
HP12	Học phần thực hành lâm sàng nâng cao CN1: THLS NC Ôn bệnh-Thương hàn					
	Học phần thực hành lâm sàng nâng cao CN2: THLS NC Phương pháp không dùng thuốc YHCT					
	Học phần thực hành lâm sàng nâng cao CN3: THLS NC Phương pháp dùng thuốc YHCT					

	Học phần thực hành lâm sàng nâng cao CN4: THLS NC Điều trị Nội Nhi YHCT					
	Học phần thực hành lâm sàng nâng cao CN5: THLS NC Điều trị Ngoại Phụ YHCT					
IV	TỐT NGHIỆP	2	2	0	0	2
-	Ôn tập và thi tốt nghiệp	2	2			2
	TỔNG KHÓA HỌC	67	31	36	32	35
	<i>HỌC PHẦN TỰ CHỌN VỚI HỌC VIÊN CÓ NHU CẦU HỌC TIẾP TIẾN SĨ</i>					
-	Dịch tễ học lâm sàng	2				
-	Luận văn tốt nghiệp	6				

14

7.2. Ma trận mức độ đóng góp của học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19
HP1		H		M															
HP2		M	H																
HP3		H						M											
HP4	H				H	H	H	H	M	M	L	L	L	L	L	M	M	M	L
HP5	H				H	H	H	H	M	M	L	L	L	L	L	M	M	M	L
HP6	H			M	H	H	H	H	M	M	L	L	L	L	L	M	M	M	L
HP7	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
HP8	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
HP9	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
HP10	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
HP11	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
HP12	H			L	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp: L(Low)= Thấp; M (Medium) = Trung bình; H (High) = Cao.

8. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

Kỹ năng thực hành trên người bệnh					x	x	x	x									x	x	X	
Trắc nghiệm	x	x																		

Ghi chú: Đánh dấu “ ✓ ” vào ô tương quan

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong nước (nếu có)

Mô tả	Ví dụ: Trường ĐHYD Hồ Chí Minh		Ví dụ: Trường ĐHYD Hải Phòng		Ví dụ: Trường ĐHYD Thái Nguyên	
	Số tín chỉ	Tỷ lệ %	Số tín chỉ	Tỷ lệ %	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
Kiến thức cơ bản						
Kiến thức cơ sở						
Kiến thức hỗ trợ						
Kiến thức chuyên ngành						
Kiến thức tự chọn						
Tốt nghiệp						
Tổng cộng						

10.2. Đối sánh với các chương trình đào tạo nước ngoài (nếu có)

Mô tả	Trường		Trường ...		Trường	
	Số TC	Tỷ lệ	Số TC	Tỷ lệ	Số TC	Tỷ lệ
Kiến thức cơ bản						
Kiến thức cơ sở						

Kiến thức hỗ trợ						
Kiến thức chuyên ngành						
Kiến thức tự chọn						
Tốt nghiệp						
Tổng cộng						

11. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

11.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng

11.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Học hàm, học vị + Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác
I	Danh sách giảng viên		
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
2	PGS.TS. Lê Thành Xuân	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
3	PGS.TS. Tạ Văn Bình	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Toại	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
5	TS. Ngô Quỳnh Hoa	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
6	TS. Vũ Việt Hằng	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
7	TS. Trần Thị Hải Vân	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
8	TS. Lại Thanh Hiền	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
9	TS. Bùi Tiến Hưng	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
10	TS. Nguyễn Thị Thanh Tú	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
11	TS. Nguyễn Văn Phúc	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
12	TS. Trần Thị Thu Trang	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN

13	TS. Trịnh Thị Lua	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
14	TS. Lê Thị Minh Phương	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
15	TS. Tạ Đăng Quang	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
16	BS.CKII. Nguyễn Thị Thanh Vân	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
17	BSCKII. Trần Thị Minh Quyên	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
II	Danh sách trợ giảng		
1	ThS. Nguyễn Thị Ngọc	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
2	BSNT. Đào Thị Minh Châu	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
3	BSNT. Nguyễn Giang Thanh	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
4	BSNT. Nguyễn Kim Ngọc	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
5	BSNT. Nguyễn Thị Ngọc Linh	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
6	BSNT. Nguyễn Thanh Thủy	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN

18

TT	Học hàm, học vị + Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác
7	BSNT. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
8	BSNT. Nguyễn Tuyết Trang	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
9	BSNT. Đặng Trúc Quỳnh	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
10	BSNT. Cao Thị Huyền Trang	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
11	ThS. Trần Thị Thu Thủy	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN
12	ThS. Nguyễn Hữu Tuấn	YHCT	Khoa YHCT – ĐHYHN

11.1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng (không quá 50% tổng số giảng viên)

TT	Học hàm, học vị + Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác
1	PGS.TS. Vũ Nam	YHCT	BV YHCT TƯ
2	PGS.TS. Dương Trọng Nghĩa	YHCT	BV YHCT TƯ
3	PGS.TS. Nguyễn Bá Quang	YHCT	BV Châm cứu TƯ
4	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân	YHCT	BV Châm cứu TƯ
5	PGS.TS. Phạm Bá Tuyền	YHCT	BV YHCT Bộ CA
6	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	YHCT	Học viện YDCT VN
7	PGS.TS. Trần Thái Hà	YHCT	BV YHCT TƯ
8	TS. Vũ Minh Hoàn	YHCT	BV ĐK YHCT HN
9	TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	YHCT	BV ĐK YHCT HN
10	TS. Trần Phương Đông	YHCT	BV Châm cứu TƯ
11	TS. Đinh Thị Lam	YHCT	BV Đống Đa
12	TS. Trần Minh Hiếu	YHCT	BV YHCT TƯ
13	TS. Dương Minh Sơn	YHCT	BV YHCT TƯ
14	TS. Nguyễn Quang Vinh	YHCT	BV YHCT TƯ

11.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ

TT	Học hàm, học vị + Họ và tên	Đơn vị công tác
1	CN. Trần Hào Vân	Khoa YHCT – ĐHYHN
2	CN. Đinh Thị Thự	Khoa YHCT – ĐHYHN

12.1. Cơ sở giảng dạy - học tập

12.1.1. Học lý thuyết (Liệt kê các địa điểm giảng dạy lý thuyết) - Giảng đường trường Đại học Y Hà Nội

- Văn phòng khoa Y học cổ truyền
- Giảng đường tại các cơ sở thực hành.

12.1.2. Học thực hành (Liệt kê các địa điểm/Bệnh viện học thực hành) - Tại các bệnh viện:

- Bệnh viện Y học cổ truyền trung ương
- Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội
- Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
- Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Bạch Mai
- Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Xanh pôn
- Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Đống Đa
- Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Thanh Nhàn
- Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ công an
- Bệnh viện Châm cứu Trung ương

12.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học

- Máy tính, Máy chiếu
- Slide, Mẫu thuốc, Handout, Video, Ảnh điện tử,...
- Phương tiện thăm khám và điều trị bệnh nhân

12.3. Học liệu

12.3.1. Tài liệu học tập chính

1. Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc. Nguyễn Nhược Kim, Trần quang Đạt. Nhà xuất bản y học, 2013
2. Xoa bóp, Bấm huyệt và Khí công dưỡng sinh. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2012.
3. Lý luận Y học cổ truyền. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản GDVN, 2015
4. Bệnh học Nội khoa Y học cổ truyền. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học,

2012.

5. Nhi khoa Y học cổ truyền. Trần Thuý. Nhà xuất bản Y học, 2002. 6.

Sản phụ khoa Y học cổ truyền. Trần Thuý. Nhà xuất bản Y học, 2016.

7. Phương tễ học. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học, 2009. 8.

Ôn bệnh. Nguyễn Nhược Kim. Nhà xuất bản Y học, 2005

9. Bài giảng Y học cổ truyền tập 1. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2011.

10. Bài giảng Y học cổ truyền tập 2. Trần Thuý. Nhà xuất bản y học, 2011.

12.4.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học nội khoa (BSCK YHCT). Nguyễn Nhược Kim, Nhà xuất bản Y học, 2012.

2. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại,. Nguyễn Thị Thu Hà. Nhà xuất bản Y học, 2020.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo 02 năm, 04 học kỳ, 5 tháng/học kỳ.

- Năm học thứ nhất học viên hoàn thành các học phần: Triết học, Cơ sở 1, Cơ sở 2, Hỗ trợ 1, Hỗ trợ 2 và Chuyên ngành 1.

- Năm học thứ hai học viên hoàn thành các học phần: Chuyên ngành 2, Chuyên ngành 3, Chuyên ngành ... Học viên thi tốt nghiệp vào cuối năm thứ 2. - Người học có nhu cầu học Tiến sĩ trong quá trình học chuyên khoa cấp I cần phải tích lũy thêm học phần hỗ trợ Dịch tễ học, làm Luận văn tốt nghiệp và có chứng chỉ Ngoại ngữ bậc 4/6.

14. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1.

Học phần Triết học 3 tín chỉ

Học phần này nâng cao kiến thức triết học trong chương trình lý luận chính trị ở bậc đại học, nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, học phần củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn.

2. Học phần Ngoại ngữ 6 tín chỉ

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức về ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp chuyên ngành Y để phục vụ cho quá trình học tập, làm việc và nghiên cứu khoa học, đồng thời có thể áp dụng tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ đối với học viên sau khi hoàn thành học phần này là đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Học phần Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu 2 tín chỉ

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu; hướng dẫn học viên cách thiết kế, nhập được bộ dữ liệu phù hợp và lựa chọn được thuật toán thống kê phù hợp với nghiên cứu (cơ bản). Đồng thời học phần hướng dẫn học viên cách tính toán và xử lý được số liệu được bằng phần mềm SPSS (cơ bản) và sử dụng thành thạo phần mềm SPSS.

4. Học phần cơ sở 1: Sinh lý học thần kinh và nội tiết 2 tín chỉ

Học phần sinh lý học thần kinh – nội tiết cung cấp kiến thức về đặc điểm cấu trúc và chức năng của nơron; chức năng cảm giác, vận động, tự chủ, một số chức năng cấp cao của hệ thần kinh và kiến thức đại cương về hệ nội tiết và sinh dục sinh sản ở nam và nữ từ đó ứng dụng trong thực hành lâm sàng chuyên ngành y học cổ truyền.

5. Học phần cơ sở 2: Y lý Y học cổ truyền 2 tín chỉ Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về nội dung và ứng dụng của các học thuyết trong hệ thống lý luận của YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết tạng tượng và các nguyên nhân gây bệnh theo YHCT. Mục đích của học phần là giúp học viên vận dụng các kiến thức về lý luận của YHCT để thực hiện được việc khám bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp YHCT

6. Học phần Hỗ trợ: Bệnh học nội khoa Y học hiện đại 4 tín chỉ

những kiến thức mới khoa một số bệnh lý thường gặp trong chuyên ngành Nội khoa. Đồng thời cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng để xử trí được các bệnh Nội khoa thường gặp.

7. Học phần Chuyên ngành 1: Ôn bệnh - Thương hàn 6 tín chỉ Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về cơ sở lý luận của học thuyết Ôn bệnh và Thương hàn luận, biện chứng các bệnh ôn nhiệt - nhóm bệnh ngoại cảm do lục dâm và tà khí gây ra, trên lâm sàng (tương ứng với các bệnh truyền nhiễm của Y học hiện đại) và kỹ năng ứng dụng các kiến thức này trong chẩn đoán và điều trị/hỗ trợ điều trị các bệnh Ôn nhiệt bằng các phương pháp của Y học cổ truyền, kết hợp điều trị YHCT và YHHĐ. Bên cạnh đó học phần này cũng cung cấp các kiến thức chuyên sâu về sự truyền biến của các bệnh ngoại cảm theo lục kinh, cách biện mạch, chứng và phương pháp điều trị bệnh thuộc lục kinh và ứng dụng các kiến thức này trong điều trị các bệnh theo Thương hàn luận.

8. Học phần Chuyên ngành 2: Phương pháp không dùng thuốc YHCT

8 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng vận dụng các cơ sở lý luận của YHCT trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng các phương pháp không dùng thuốc của YHCT; Đồng thời môn học còn cung cấp các phương pháp, thủ pháp trong châm cứu, phương pháp chọn huyết và xây dựng công thức huyết để điều trị có hiệu quả các bệnh thường gặp bằng phương pháp châm cứu, điện châm, nhĩ châm, châm tê, cây chỉ... của YHCT. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về xoa bóp bấm huyết và một số phương pháp không dùng thuốc khác của YHCT như khí công, dưỡng sinh.

9. Học phần Chuyên ngành 3: Phương pháp dùng thuốc YHCT 8 tín chỉ Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng nhận biết các vị thuốc, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, ứng dụng lâm sàng của các

vị thuốc cổ truyền cũng như nguồn gốc xuất xứ, thành phần, tác dụng, ứng dụng lâm sàng và phân tích các bài thuốc cổ phương, đồng thời môn học còn cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng thuốc cổ truyền và bài thuốc cổ truyền an toàn, điều trị bệnh có hiệu quả. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến

thức và kỹ năng một số phương pháp cơ bản trong chế biến, bào chế thuốc cổ truyền.

10. Học phần Chuyên ngành 4: Điều trị Nội Nhi YHCT 10 tín chỉ Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng về các nguyên tắc điều trị bệnh nội khoa và nhi khoa theo YHCT, đồng thời, môn học còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng về khám bệnh, biện chứng luận trị, chẩn đoán và các phương pháp điều trị cụ thể các bệnh nội khoa và nhi khoa theo YHCT.

11. Học phần Chuyên ngành 5: Điều trị Ngoại phụ YHCT 8 tín chỉ Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng về các nguyên tắc điều trị bệnh ngoại khoa, phụ khoa, ngũ quan và da liễu theo YHCT. Đồng thời, môn học còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng khám bệnh, biện chứng luận trị, chẩn đoán và các phương pháp điều trị cụ thể các kiến thức và kỹ năng biện chứng luận trị trong điều trị bệnh ngoại khoa, da liễu, ngũ quan theo YHCT.

12. Học phần thực hành nâng cao lâm sàng chuyên ngành 1- Ôn bệnh, thương hàn 6 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các kỹ năng nâng cao về thực hành biện chứng và điều trị về các chứng bệnh của Ôn bệnh theo vệ, khí, dinh, huyết, theo tam tiêu và thực hành biện chứng và điều trị hiệu quả các bệnh thái dương, thiếu dương, dương minh, thái âm, thiếu âm và quyết âm.

13. Học phần thực hành nâng cao lâm sàng chuyên ngành 2- Phương pháp không dùng thuốc 6 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các kỹ năng về Thực hành chữa bệnh và phòng bệnh bằng châm cứu qua vận dụng Học thuyết Âm-Dương, Ngũ hành,

đồng thời môn học còn cung cấp kiến thức để thực hiện các kỹ năng thực hành phương pháp bổ tả trong châm cứu, phương pháp chọn huyết và công thức huyết để điều trị một số bệnh. Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức để thực hiện kỹ năng về xoa bóp bấm huyết của YHCT cũng như kiến thức để thực hiện một số phương pháp không dùng thuốc khác của YHCT như điện châm, nhĩ châm, cấy chỉ, khí công, dưỡng sinh.

14. Học phần thực hành nâng cao lâm sàng chuyên ngành 3- Phương pháp dùng thuốc YHCT 6 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kỹ năng để nhận biết và phân biệt các vị thuốc, bộ phận dùng của thuốc cổ truyền cũng như thực hành thực hành kê đơn thuốc cổ truyền và bài thuốc cổ truyền, kỹ năng ứng dụng thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh trên lâm sàng. Đồng thời môn học còn cung cấp kỹ năng chế biến thuốc cổ truyền theo qui trình chuẩn.

15. Học phần thực hành nâng cao lâm sàng chuyên ngành 4- Điều trị Nội Nhi YHCT 6 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các kỹ năng về thực hành khám, chẩn đoán và biện chứng luận trị các bệnh nội khoa và nhi khoa theo YHCT.

16. Học phần thực hành nâng cao lâm sàng chuyên ngành 5- Điều trị Ngoại Phụ YHCT 6 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các kỹ năng thực hành khám, chẩn đoán và biện chứng luận trị một số bệnh ngoại khoa, phụ khoa, da liễu và ngũ quan thường gặp theo YHCT.

17. Học phần Tốt nghiệp 2 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các kỹ năng biện luận, phân tích và tổng hợp trong chẩn đoán và điều trị các bệnh bằng YHCT và YHCT kết hợp YHHĐ.

25

15. THỜI GIAN CẬP NHẬT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO -

Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: năm học 2021-2022 - Quyết

định phê duyệt: 2187/QĐ-ĐHYHN ngày 19/06/2023. 

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP II**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ

Mã số: CK 62727605

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP II**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYHN ngày / /2022)

Chuyên ngành: Quản lý y tế

Mã số: CK 62727605

Thời gian đào tạo: 2 năm

Hà Nội - 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	145
1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	145
1.2. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo	145
1.3. Cơ sở đào tạo	146
1.4. Tên chương trình đào tạo.....	146
1.5. Trình độ đào tạo.....	146
1.6. Chuyên ngành đào tạo	146
1.7. Mã số	146
1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo.....	146
1.9. Phương thức đào tạo	146
1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh.....	146
1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình	146
1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp	146
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	146
2.1. Mục tiêu chung	146
2.2. Mục tiêu cụ thể	147
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	147
3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	147
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	148
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	148
4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	149
5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	149
6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	149
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	151
7.1. Phương pháp giảng dạy	151
7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	151
8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ.....	151
8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng	151
8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ.....	156

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU	156
9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn.....	156
9.2. Đồ dùng, trang thiết và công nghệ dạy học	156
9.3. Học liệu.....	156
10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	160
10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	160
10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	160
10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	160
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	161
12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÈM THEO BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	162

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế được Trường Đại học Y xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực theo trình độ và chuyên ngành quản lý. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau:

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

2. Nghị định 111/2017-NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

3. Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025;

4. Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý và đào tạo Chuyên khoa cấp II sau đại học;

5. Quyết định số 1274/YT-K2ĐT ngày 25/02/2005 của Bộ Y tế về chương trình, tài liệu dạy/học và danh mục đào tạo sau đại học;

6. Quyết định số 31/QĐ-ĐHYHN ngày 08/01/2015 của Trường Đại học Y Hà Nội về việc thông qua và ban hành chương trình đào tạo CKII, CKII và BSNT.

7. Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2018 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm học 2018-2019.

8. Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 04/04/2020 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm 2020.

9. Thông tư 08/2021/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

10. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học.

1.2. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo

- Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo:

- Quyết định ban hành:

1.3. Cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Y Hà Nội (Hanoi Medical University)

1.4. Tên chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành quản lý y tế

1.5. Trình độ đào tạo

Chuyên khoa cấp II

1.6. Chuyên ngành đào tạo

- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Việt): Quản lý y tế

- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Anh): Health management

1.7. Mã số

CK 62727605

1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hệ tập trung: 2 năm

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: từ 3 - 5 năm

1.9. Phương thức đào tạo

Tổ chức đào tạo theo niên chế hoặc tập trung theo chứng chỉ

1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm

1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình

- Có đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định hiện hành:

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà Trường;

- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Bằng Chuyên khoa cấp II.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Khóa học Chuyên khoa 2 Quản lý y tế trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý và lãnh đạo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý. Học viên sau khi học xong có kiến thức cơ bản về pháp luật và chính sách y tế liên quan đến quản lý y tế và có khả năng vận dụng chính sách và pháp luật; có khả năng vận dụng được các

kiến thức và kỹ năng cơ bản trong huy động cộng đồng và các bên liên quan, phân tích và quản lý hiệu quả nguồn lực, xây dựng văn hoá tổ chức, cải tiến chất lượng dịch vụ y tế; có phẩm chất đạo đức trong thực hành chuyên môn quản lý y tế; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trong quá trình vận hành cơ sở y tế.

2. 2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Xây dựng và Quản lý các kế hoạch, dự án y tế

MT2. Vận dụng được khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong quản lý và phát triển nhân lực của tổ chức.

MT3. Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo, quản lý cơ bản như: lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.

MT4. Áp dụng được mô hình quản lý chất lượng vào đảm bảo, cải tiến chất lượng dịch vụ y tế.

MT5. Phân tích được vai trò của các bên liên quan, huy động cộng đồng và vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.

MT6. Áp dụng chính sách, luật pháp trong quản lý y tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1.1. Kiến thức

PLOK1. Phân tích các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực Quản lý y tế (Lập kế hoạch y tế, Quản lý chất lượng, Quản lý bệnh viện, Quản lý nguồn lực, chương trình dự án y tế).

PLOK2. Giải thích các nguyên lý, học thuyết cơ bản trong Chính sách y tế và Luật pháp y tế

PLOK3. Giải thích các kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực dịch tễ học, dân số, giáo dục và nâng cao sức khỏe, kinh tế y tế, tâm lý học quản lý, sức khỏe toàn cầu, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp sư phạm lâm sàng.

3.1.2. Kỹ năng

PLOS1. Sử dụng dữ liệu, thông tin trong giải quyết các vấn đề quản lý y tế một cách khoa học

PLOS2. Xây dựng kế hoạch y tế dựa trên bằng chứng;

PLOS3. Quản lý hiệu quả các nguồn lực y tế;

PLOS4. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu và công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý y tế;

PLOS5. Truyền đạt các bằng chứng khoa học trong quản lý y tế với người cùng ngành và với những người khác.

PLOS6. Phân tích quá trình chính sách, các công cụ thực thi chính sách, phân tích chính sách

PLOS7. Cải tiến chất lượng dịch vụ y tế.

PLOS8. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLOA1. Tâm huyết, trung thực, khách quan trong việc cung cấp các bằng chứng cho lập kế hoạch và quản lý các hoạt động/ chương trình y tế.

PLOA2. Tôn trọng và tuân thủ chính sách pháp luật hiện hành.

PLOA3. Công bằng trong sử dụng các nguồn lực/ vận dụng chính sách y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

PLOA4. Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng bằng chứng trong quản lý bệnh viện

PLOA5. Luôn sẵn sàng cập nhật kiến thức, đổi mới và sáng tạo trong công việc

PLOA6. Thích nghi và tự định hướng bản thân và hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong bối cảnh thực hành dựa trên hệ thống.

3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp CKII quản lý y tế có thể làm việc ở một số vị trí sau:

- Lãnh đạo các đơn vị trong hệ thống y tế (bệnh viện, trung tâm y tế)
- Lãnh đạo các khoa phòng chuyên môn

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế có khả năng tự học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm. Đồng thời học viên có thể có cơ hội để học tập nâng cao văn bằng khi tham gia các chương trình đào tạo sau:

- Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý y tế

4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Điều kiện văn bằng: Chuyên khoa cấp I, Cao học, Bác sỹ Nội trú các chuyên ngành Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y tế công cộng, Y học dự phòng và CKI các chuyên ngành về khoa học sức khỏe.

- Chứng chỉ hành nghề: không yêu cầu
- Thâm niên công tác: Theo quy định chung của trường Y Hà Nội
- Ngoại ngữ: theo quy định chung
- Tiêu chuẩn khác: không có

5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

Để tốt nghiệp, học viên phải hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học là 67 tín chỉ. Trong đó:

- Khối lượng kiến thức cơ bản : 7 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức cơ sở và hỗ trợ : 8 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức chuyên ngành : 40 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức Luận văn và thi tốt nghiệp: 12 tín chỉ

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Σ	LT	TH
	I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	7	0
HP1	Phương pháp sư phạm lâm sàng (<i>Bắt buộc</i>)	3	3	0
HP2	Phương pháp NCKH nâng cao (<i>Bắt buộc</i>)	2	2	0
HP3	Học phần tự chọn (<i>chọn 1/3 học phần</i>)	2	2	0
-	<i>Quản lý bệnh viện</i>			
-	<i>Dịch tễ học lâm sàng</i>			
-	<i>Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao</i>			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	6	2
HP4	Học phần cơ sở 1: Dân số học	2	2	0
HP5	Học phần cơ sở 2: Kinh tế y tế	2	2	0
HP6	Học phần Hỗ trợ: Luật và thanh tra y tế	4	2	2
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40	15	25

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Σ	LT	TH
3.1	Học phần bắt buộc			
HP7	Quản lý và lập kế hoạch y tế	10	4	6
	Lập kế hoạch y tế	4	2	2
	Quản lý nguồn lực y tế	6	2	4
HP8	Quản lý chương trình/ dự án y tế	8	4	4
	Quản lý chương trình dự án y tế	4	2	2
	Quản lý chất lượng	4	2	2
HP9	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế	10	4	6
	Quản lý và lãnh đạo y tế	3	1	2
	Hành vi tổ chức	4	2	2
	Chính sách Y tế	3	1	2
HP10	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	6	3	3
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4	2	2
	Sức khỏe toàn cầu	2	1	1
3.2	Học phần thực hành tự chọn (Chọn 1/4 học phần):	6		6
HP11	Quản lý và lập kế hoạch y tế			
	Quản lý chương trình/ dự án y tế			
	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế			
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe <i>Truyền thông tiếp thị và xử lý khủng hoảng truyền thông</i>			
IV	TỐT NGHIỆP	12	12	0
-	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0
-	Thi tốt nghiệp	2	2	0
	Tổng khoá học	67	40	27

Ghi chú:

- Các môn học giảm số lượng tín chỉ do quy đổi giữa học trình và tín chỉ
- Điều chỉnh nội dung của các môn chuyên ngành do giảm thời lượng giảng dạy
- Chuyển nội dung sức khỏe toàn cầu từ học phần quản lý dự án sang môn

– Chuyên ngành 4 (Giáo dục nâng cao sức khỏe) do thời lượng môn chuyên ngành không được dưới 6 tín chỉ

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

7.1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trực tiếp trên giảng đường
- Online qua zoom (30%)

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

7.2.1. Đánh giá quá trình

- Bài tập thực hành
- Tham gia học tập đầy đủ

7.2.2. Đánh giá kết thúc (thi tốt nghiệp)

- Thi test tốt nghiệp
- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng

8.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	PGS.TS	Nguyễn Hoàng Long	Vụ KHTC	Tổ chức & Quản lý Y tế
2	PGS.TS	Nguyễn Thị Hoài Thu	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
3	TS	Trần Thị Nga	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
4	TS	Nguyễn Hữu Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
5	GS.TS	Lê Thị Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
6	PGS.TS	Kim Bảo Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
7	PGS.TS	Nguyễn Đăng Vững	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản
8	PGS.TS	Lê Minh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
9	PGS.TS	Lê Thị Thanh Xuân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
10	PGS.TS	Nguyễn Quang Dũng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
11	PGS.TS	Đỗ Thị Thanh Toàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	NCKH và thống kê y sinh
12	PGS.TS	Trần Quỳnh Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
13	TS	Hoàng Thị Hải Vân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
14	TS	Phạm Bích Diệp	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
15	PGS.TS	Phạm Huy Tuấn Kiệt	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
16	PGS.TS	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản
17	PGS.TS	Trần Thị Thanh Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý và Y đức học
18	PGS.TS	Khương Văn Duy	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
19	PGS.TS	Phạm Văn Phú	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
20	PGS.TS	Ngô Văn Toàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
21	PGS.TS	Lê Thị Hoàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
22	PGS.TS	Trần Xuân Bách	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
23	TS	Nguyễn Thùy Linh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
24	TS	Trần Thơ Nhị	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
25	PGS.TS	Nguyễn Ngọc Anh	Viện ĐT	Sức khỏe Nghề

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
			YHDP&YTCC	ngành
26	TS	Nguyễn Xuân Bình Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
27	TS	Trần Thị Thoa	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
28	TS	Lê Vĩnh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
29	TS	Đỗ Nam Khánh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
30	TS	Nguyễn Thị Hương Lan	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
31	TS	Nguyễn Thị Phương Oanh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
32	ThS.	Phùng Thanh Hùng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
33	ThS.BSNT	Ngô Trí Tuấn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
34	BSNT	Nguyễn Thị Hương Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
35	BSNT	Nguyễn Thị Thu Hường	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
36	BS	Bùi Hồng Ngọc	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
37	ThS	Lê Xuân Hưng	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
38	ThS	Trịnh Thị Hồng Nhung	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y tế công cộng
39	ThS	Trần Minh Hải	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
40	ThS	Lê Thị Vũ Huyền	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
41	ThS	Nguyễn Thị Thu Thủy	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
42	ThS	Nguyễn Trọng Tài	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
43	ThS	Tạ Hoàng Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
44	ThS	Văn Đình Hòa	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
45	ThS	Lưu Ngọc Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
46	ThS	Đình Thái Sơn	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
47	ThS	Nguyễn Thị Thu Hà	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
48	ThS	Phạm Phương Mai	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
49	ThS	An Thanh Ly	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
50	ThS	Lê Vũ Thúy Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
51	ThS	Đoàn Ngọc Thủy Tiên	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
52	ThS	Nguyễn Lê Tuấn Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
53	ThS	Nguyễn Thị Diễm Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
54	ThS	Nguyễn Thị Hồng Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
55	ThS	Lê Đình Luyến	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
56	ThS	Phan Thanh Hải	Viện ĐT YHDP&YTCC	NCKH & Thống kê Y sinh
57	ThS	Lê Thanh Huyền	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y tế công cộng

(Lưu ý: Ths, BSNT thì chỉ được trợ giảng, hoặc hướng dẫn thực hành cho học viên SDH)

8.1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng (không quá 50% tổng số giảng viên)

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	TS	Trần Thị Mai Oanh	Viện Chiến lược và Chính sách Y tế	QLYT
2	TS	Nguyễn Hồng Sơn	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
3	PGS.TS	Nguyễn Tuấn Hưng	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
4	PGS.TS	Lương Ngọc Khuê	Cục QLKCB, Bộ Y tế	QLYT
5	TS	Phạm Quốc Hùng	Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển	YTCC/YHDP
6	PGS.TS	Nguyễn Thị Thi Thơ	Viện VSDT TW	YTCC/YHDP
7	TS	Đặng Đức Hoàn	Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây	QLBV
8	PGS. TS	Lương Mai Anh	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
9	TS	Nguyễn Văn Công	Ban Bảo vệ, Chăm sóc Sức khỏe Cán bộ Trung ương	YTCC/YHDP
10	TS	Nguyễn Công Luật	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
11	TS	Nguyễn Thành Chung	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
14	TS	Vũ Trọng Dược	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
15	TS	Lê Thị Thanh Hương	Bệnh viện Tim Hà Nội	YTCC/YHDP
16	PGS.TS	Dương Thị Hồng	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
17	PGS.TS	Phan Thị Thu Hương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
18	PGS.TS	Trần Thị Giáng Hương	Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)	YTCC/YHDP
19	TS	Dương Huy Lương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
20	TS	Nguyễn Đức Khoa	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
21	TS	Trần Văn Sơn	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
22	TS	Phạm Quang Thái	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
23	TS	Dương Công Thành	Văn phòng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ tại Hà Nội	YTCC/YHDP
24	PGS.TS	Lê Thị Phương Mai	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH

8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ

Viện có hệ thống các phòng chức năng: Phòng Đào tạo-Nghiên cứu khoa học-Hợp tác Quốc tế, Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị, Phòng Tài chính Kế toán và các Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo và Chăm sóc Sức khỏe cộng đồng, Labo trung tâm.

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn

9.1.1. Học lý thuyết (Liệt kê các địa điểm giảng dạy lý thuyết)

- Giảng đường đại học Y Hà Nội

- **Các bộ môn, giảng đường của Viện tại:** Nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Hà Nội

9.1.2. Học thực hành (Liệt kê các địa điểm/Bệnh viện học thực hành)

- Giảng đường đại học Y Hà Nội

- Giảng đường Viện Đào tạo YHDP và YTCC

- Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổ chức cán bộ, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng Quản lý chất lượng, bộ phận chăm sóc khách hàng, phòng công nghệ thông tin của các bệnh viện và trung tâm y tế.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội (CDC Hà Nội)

9.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học

- Máy tính, màn chiếu, màn chiếu thông minh, bàn ghế,... phục vụ học tập

- Thư viện số Viện Đào tạo YHDP & YTCC

- Các dụng cụ, máy móc tại Labo trung tâm

- Máy tính tại phòng máy

9.3. Học liệu

9.3.1. Tài liệu học tập chính

- Trường Đại học Y Hà Nội (2008), Tài liệu Quản lý Dự án.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2002), Bài giảng quản lý và chính sách y tế (Giáo trình dùng cho đối tượng SĐH. BM Tổ chức và Quản Y tế, Viện ĐT YHDP & YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội)

- Trường Đại học Y Hà Nội (2022). Quản lý bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) đã thẩm định.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản trị bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản lý và Lãnh đạo. Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y tế công cộng (2015). Quản lý Nhân lực y tế. Nhà xuất bản Y học.
- Phạm Trí Dũng (2011). Nguyên lý Quản lý. Nhà xuất bản Lucky House.
- Xây dựng và triển khai các Dự án y tế (2005) Bộ Y tế, NXB Y học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ biên: Mai Hồng Quý, Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB Đại học Sư phạm, năm 2015.
- Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đào Trí Úc - Hoàng Thị Kim Quế, Giáo trình Đại cương về Nhà nước và Pháp luật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2017
- Nhà xuất bản Y học/2019 Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học | Tập 1 - Lập kế hoạch nghiên cứu (Sách đào tạo sau đại học) Giáo trình
- Nhà xuất bản Y học/2020 Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học | Tập 2 - Một số lưu ý khi lập kế hoạch nghiên cứu cho từng lĩnh vực cụ thể (Giáo trình đào tạo sau đại học) Giáo trình
- Trường Đại học Y Hà Nội (2020). Truyền Thông và Nâng cao sức khỏe - Sách đào tạo Sau đại học – Nhà xuất bản Y học
- Phạm Thị Minh Đức (2022), Sư phạm y học thực hành, NXB Giáo dục Việt Nam
- Lê Thu Hòa, Nguyễn Văn Tường (2016), Phương pháp dạy-học lâm sàng (dành cho các lớp tập huấn phương pháp dạy-học lâm sàng của ngành y tế), NXB Y học
- Phạm Thị Minh Đức (2022), Phương pháp dạy-học lâm sàng trong đào tạo khối ngành sức khỏe, NXB Y học

9.4.2. Tài liệu tham khảo

- World Health Organization. (2016). Strategizing national health in the 21st century: a handbook. World Health Organization. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/250221>
- Utarini, A., Schmidt-Ehry, G., and Hill, P. (2009). *Hospital Management Training: New ways to improve services in Indonesia*. Jakarta, Indonesia: GTZ (Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit).
- Swayne LF, Duncan WJ and Ginter PM (2006). *Strategic Management of Health Care Organizations*. Malden: Blackwell Publishing.
- Trisnantoro L (2005). *Aspek Strategis Manajemen Rumah Sakit*. Yogyakarta: Andi Offset.
- WHO, 2010 monitoring the building blocks of health systems: a handbook of indicators and their measurement strategies

- Trường Đại học Y tế công cộng (2018). Quản lý nguồn nhân lực y tế.
- Trường Đại học Y tế công cộng (2016). Quản lý dành cho lãnh đạo bệnh viện, Nhà xuất bản lao động. Viện Đào tạo YHDP và YTCC (2011), Y học dự phòng và Y tế công cộng – Thực trạng và định hướng ở Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2014) Tài liệu đào tạo liên tục Quản lý chất lượng bệnh viện. <http://asttmoh.vn/wp-content/uploads/2015/06/b2.-TAI-LIEU-QLCL.pdf>
- Hoàng Văn Minh, Phương pháp nghiên cứu can thiệp (2019) Thiết kế và phân tích thống kê. Nhà Xuất bản Y học
- Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa (2021), Giáo trình Kỹ năng Y khoa, NXB Y học
- Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa (2013), Bài giảng dạy-học qua tình huống, NXB Y học
- Robert W. Fletcher & Suzanne W. Fletcher (2005). Clinical Epidemiology: The Essentials (Fourth Edition)
- Diederick E. Grobbee & Arno W. Hoes (2015). Clinical Epidemiology: Principle, Methods, and Applications for Clinical Research (Second Edition).
- Nguyễn Văn Tuấn, Y học Thực chứng, nhà xuất bản Y học, 2015.
- Đặng Đức Hậu, Xác suất Thống kê (dùng cho đào tạo BSDK), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Giáo dục, 2013.
- Hoàng Văn Minh, Thực hành quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học y học, Nhà xuất bản Y học, 2009.
- Lưu Ngọc Hoạt, Thống kê-Tin học ứng dụng trong nghiên cứu y học, NXB Y học, 2008.
- Population and development review, 2009.
- Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách.
- Overview of internal migration in Vietnam (<https://bangkok.unesco.org/sites/default/files/assets/article/Social%20and%20Human%20Sciences/publications/vietnam.pdf>)
- The 2015 national internal migration survey: Major findings (https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/PD_Migration%20Booklet_ENG_printed%20in%202016.pdf)
- Báo cáo phát triển con người của Liên hợp quốc hàng năm
- Sloman, J and Wride, A. ed., (2009). *Economics*. 7th ed. London: Prentice Hall
- Mankiw, N. (n.d) *Principle of Microeconomics*. 5th ed. Mason: South-Western

- Atkins L, Francis J, Islam R, et al. A guide to using the Theoretical Domains Framework of behaviour change to investigate implementation problems. *Implementation Science*. 2017;12(1):77. doi:10.1186/s13012-017-0605-9
- Hwang S, Birken SA, Melvin CL, Rohweder CL, Smith JD. Designs and methods for implementation research: Advancing the mission of the CTSA program. *J Clin Transl Sci*. 4(3):159-167. doi:10.1017/cts.2020.16
- Koh S, Lee M, Brotzman LE, Shelton RC. An orientation for new researchers to key domains, processes, and resources in implementation science. *Translational Behavioral Medicine*. 2020;10(1):179-185. doi:10.1093/tbm/iby095
- Lane-Fall MB, Curran GM, Beidas RS. Scoping implementation science for the beginner: locating yourself on the “subway line” of translational research. *BMC Medical Research Methodology*. 2019;19(1):133. doi:10.1186/s12874-019-0783-z
- Lobb R, Colditz GA. Implementation Science and Its Application to Population Health. *Annual Review of Public Health*. 2013;34(1):235-251. doi:10.1146/annurev-publhealth-031912-114444
- McKibbin KA. Evidence-based practice. *Bull Med Libr Assoc*. 1998;86(3):396-401.
- Miller CJ, Barnett ML, Baumann AA, Gutner CA, Wiltsey-Stirman S. The FRAME-IS: a framework for documenting modifications to implementation strategies in healthcare. *Implementation Sci*. 2021;16(1):36. doi:10.1186/s13012-021-01105-3
- Palinkas LA, Aarons GA, Horwitz S, Chamberlain P, Hurlburt M, Landsverk J. Mixed Method Designs in Implementation Research. *Adm Policy Ment Health*. 2011;38(1):44-53. doi:10.1007/s10488-010-0314-z
- Powell BJ. Improving Methods for Designing and Tailoring Implementation Strategies. :17.
- Powell BJ. Optimizing Implementation Strategies to Improve the Quality of Health Services. :42.
- Powell BJ, Fernandez ME, Williams NJ, et al. Enhancing the Impact of Implementation Strategies in Healthcare: A Research Agenda. *Frontiers in Public Health*. 2019;7:3. doi:10.3389/fpubh.2019.00003

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)		
	PLOK1	PLOK2	PLOK3
MT1	3	3	2
MT2	3	2	2
MT3	3	1	2
MT4	3	1	2
MT5	3	2	2
MT6	3	3	2

10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)								
	PLOS1	PLOS2	PLOS3	PLOS4	PLOS5	PLOS6	PLOS7	PLOS8	PLOS9
MT1	3	3	3	3	1	2	2	2	2
MT2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MT3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MT4	3	3	3	2	1	3	3	3	3
MT5	3	3	3	3	3	3	3	3	3
MT6	3	3	3	3	3	3	3	3	3

10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLOA1	PLOA2	PLOA3
MT1	2	2	2

MT2	2	2	2
MT3	2	2	2
MT4	2	2	2
MT5	2	2	2
MT6	2	2	2

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Tiến trình đào tạo)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
		Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
	I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	7	0		
HP1	Phương pháp sư phạm lâm sàng (<i>Bắt buộc</i>)	3	3	0	x	
HP2	Phương pháp NCKH nâng cao (<i>Bắt buộc</i>)	2	2	0	x	
HP3	Học phần tự chọn (<i>chọn 1/3 học phần</i>)	2	2	0	x	
-	<i>Quản lý bệnh viện</i>					
-	<i>Dịch tễ học lâm sàng</i>					
-	<i>Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao</i>					
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	6	2	x	
HP4	Học phần cơ sở 1: Dân số học	2	2	0	x	
HP5	Học phần cơ sở 2: Kinh tế y tế	2	2	0	x	
HP6	Học phần Hỗ trợ: Luật và thanh tra y tế	4	2	2	x	
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40	15	25		
3.1	Học phần bắt buộc					
HP7	Quản lý và lập kế hoạch y tế	10	4	6	x	
	Lập kế hoạch y tế	4	2	2		
	Quản lý nguồn lực y tế	6	2	4		
HP8	Quản lý chương trình/ dự án y tế	8	2	6		x
	Quản lý chương trình dự án y tế	4	2	2		
	Quản lý chất lượng	4	2	2		

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
		Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
HP9	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế	10	4	6		x
	Quản lý và lãnh đạo y tế	3	1	2		
	Hành vi tổ chức và tâm lý học lãnh đạo	4	2	2		
	Chính sách Y tế	3	1	2		
HP10	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	6	3	3		x
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4	2	2		
	Sức khỏe toàn cầu	2	1	1		
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 1/4 học phần):	6		6		x
HP11	Quản lý và lập kế hoạch y tế					
	Quản lý chương trình/ dự án y tế					
	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế					
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe (Truyền thông tiếp thị và xử lý khủng hoảng truyền thông)					
IV	TỐT NGHIỆP	12	12	0		x
-	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0		
-	Thi tốt nghiệp	2	2	0		
	Tổng khoá học	67	40	27		

